



Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”

**Báo cáo: Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác
động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với dân
tộc thiểu số**



Xuất bản bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Thay mặt

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển (BMZ), CHLB Đức

Văn phòng đăng ký

Bonn và Eschborn, Đức

Dự án

Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam

Thời gian phát hành

Tháng 02 năm 2025

Tác giả

Trần Thị Hồng Thủy

Chịu trách nhiệm

Anja Barth – Cố vấn trưởng dự án, GIZ

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hay BMZ. Những cơ quan, đơn vị này từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC HÌNH.....	4
Giới thiệu	5
1.1. Bối cảnh	5
1.2. Mục tiêu của nghiên cứu.....	6
1.3. Phương pháp tiến hành nghiên cứu	6
1.3.1. Nghiên cứu tại bàn	7
1.3.2. Tham vấn chuyên gia	7
2. Khung phân tích	8
3. Hành lang pháp lý.....	10
4. Bộ chỉ số đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS	16
4.1. Nguyên tắc xây dựng bộ chỉ số.....	16
4.2. Nguồn dữ liệu	18
4.2.1. Cấp trung ương.....	19
4.2.2. Cấp địa phương	20
4.3. Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS 21	
5. Những phát hiện, vấn đề và xu hướng chính.....	46
5.1. Phát triển rừng bền vững.....	46
5.2. Quyền lợi của phụ nữ và nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng DTTS	46
5.3. Tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS.....	47
6. Đề xuất và khuyến nghị (ưu tiên và cơ hội cho nhóm DTTS đối với Hiệp định VPA/FLEGT).....	48
6.1. Đề xuất về giám sát tác động và hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS	48
6.1.1. Giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT	48

6.1.2.	Hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động	49
6.1.3.	Thực hiện giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT	50
6.2.	Một số gợi ý về ưu tiên cho các nghiên cứu sâu hơn	51
6.3.	Một số đề xuất hoạt động của các dự án và đối tác VPA/FLEGT	52
6.3.1.	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng DTTS	52
6.3.2.	Đào tạo và nâng cao năng lực cho cộng đồng DTTS.....	53
6.3.3.	Đẩy mạnh thông tin truyền thông và vận động thay đổi hành vi.....	53
7.	Kết luận.....	56
	PHỤ LỤC	61
	PHỤ LỤC 1. Điều khoản tham chiếu	61
	PHỤ LỤC 2. Quy định pháp luật liên quan	71
	PHỤ LỤC 3: Tham vấn chuyên gia về đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm dân tộc thiểu số	78
	PHỤ LỤC 4: Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS (bộ chỉ số rút gọn)	82

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DTTS	Dân tộc thiểu số
Ma trận IMIM	Ma trận chỉ số giám sát tác động của Khung Giám sát đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT
Khung GSDG	Khung Giám sát đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở LĐ TB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
VPA/FLEGT	Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản
VHLSS	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam
VNTLAS	Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Chuyên gia tham vấn.....	8
Bảng 2. Khung phân tích của nghiên cứu.....	9
Bảng 3. Ma trận đánh giá tác động dựa trên Ma trận IMIM	10
Bảng 4. Một số quy định pháp lý liên quan	12
Bảng 5. Chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS .	17
Bảng 6. Các nguồn dữ liệu thống kê liên quan	19
Bảng 7. Ma trận bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS và mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT	23
Bảng 8. Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS	26
Bảng 9. Ma trận bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS	44

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Phương pháp thực hiện nghiên cứu	7
Hình 2. Hành lang pháp lý	11
Hình 3. Dữ liệu liên quan đến nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	19
Hình 4. Các yếu tố xây dựng Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS	22
Hình 5. Sơ đồ quy trình giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT	48
Hình 6. Sơ đồ thực hiện giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS	50

Giới thiệu

1.1. Bối cảnh

Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) chính thức bắt đầu đàm phán Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) vào tháng 11 năm 2011 và kết thúc đàm phán vào ngày tháng 5 năm 2017. Ngày 19 tháng 10 năm 2018, hai bên đã ký Hiệp định và Hiệp định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2019. Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU là một hiệp định thương mại ràng buộc về mặt pháp lý nhằm cải thiện quản trị rừng và thúc đẩy thương mại gỗ và các sản phẩm gỗ hợp pháp xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU.

Theo Điều 16 của Hiệp định VPA/FLEGT, các bên phải đánh giá các tác động kinh tế và xã hội của Hiệp định đối với các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS), cộng đồng địa phương, hộ gia đình và ngành công nghiệp gỗ. Phụ lục IX của Hiệp định VPA/FLEGT quy định một trong những chức năng của Ủy ban thực thi (JIC) đó là “Giám sát và đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường của việc thực thi Hiệp định này và quyết định các biện pháp phù hợp để giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể xảy ra”. Trên cơ sở các quy định của Hiệp định, Khung giám sát đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT (Gọi tắt là Khung GSDG) đã được xây dựng và được JIC phê duyệt năm 2021 tại Quyết định số 2/2021 của JIC. Trong Ma trận chỉ số giám sát tác động (gọi tắt là Ma trận IMIM) của Khung GSDG, phụ nữ và các DTTS có liên quan đến chuỗi giá trị gỗ đã được xác định là các nhóm đối tượng quan trọng. Việc giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS và sinh kế của họ có tầm quan trọng đặc biệt.

Khung GSDG đã đưa ra các chỉ số giám sát đánh giá cho các lĩnh vực khác nhau trong đó bao gồm giám sát đánh giá tác động đến nhóm DTTS. Mặc dù có một số dữ liệu có sẵn về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với phụ nữ, dữ liệu và phân tích về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với các DTTS còn khan hiếm và rời rạc. Ở cấp quốc gia, dường như không có dữ liệu chung nào về các DTTS ở Việt Nam, càng không có dữ liệu về các dân tộc thiểu số liên quan đến ngành lâm nghiệp hoặc ngành gỗ. Tình hình dữ liệu ở cấp tỉnh không rõ ràng, nhưng các cơ quan cấp tỉnh có thể sở hữu một số bộ dữ liệu khác nhau về các dân tộc thiểu số, tuy nhiên, không nhất thiết liên quan đến ngành lâm nghiệp hoặc ngành gỗ. Trong khi một số nghiên cứu chuyên đề về các DTTS đã được các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện, thì cho đến nay vẫn chưa có cuộc khảo sát nào trên toàn quốc được triển khai. Các chỉ số mang tính định hướng chưa đầy đủ và cụ thể để có thể

áp được. Vì vậy, các chỉ số của Khung GSDG cần phải được bổ sung thêm và xây dựng cụ thể hơn.

1.2. Mục tiêu của nghiên cứu

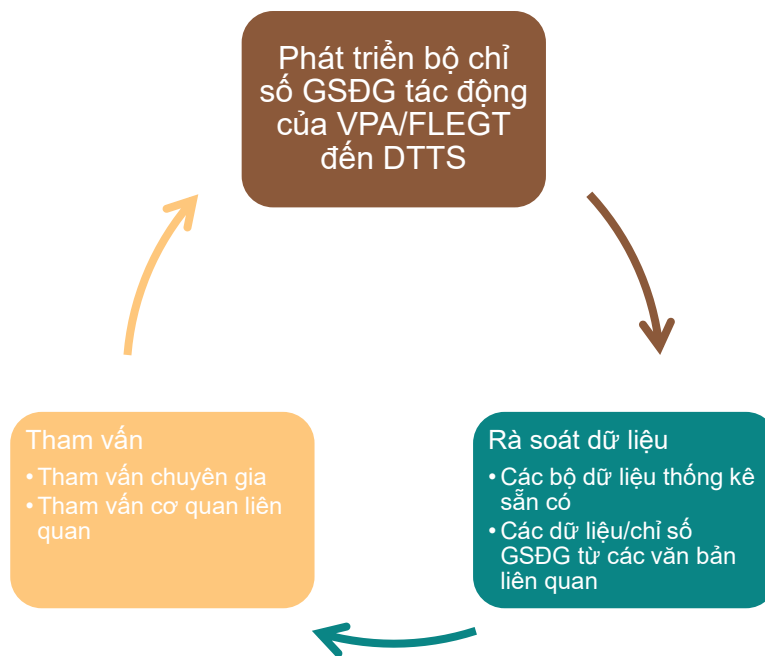
Mục tiêu chung của nghiên cứu là xác định tình trạng dữ liệu hiện tại của nhóm DTTS liên quan đến các yêu cầu giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT, cụ thể:

- ✓ Hiểu rõ hơn về tình hình dữ liệu hiện tại của DTTS liên quan đến các yêu cầu giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT;
- ✓ Đề xuất các biện pháp ở cấp quốc gia và cấp tỉnh để nắm bắt tốt hơn các tác động của Hiệp định VPA/FLEGT liên quan đến DTTS;
- ✓ Định hướng quá trình giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT trong tương lai bằng cách xây dựng các bài học kinh nghiệm và đề xuất về a) tình hình dữ liệu của các nhóm DTTS liên quan đến giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và b) tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với các DTTS.

Chi tiết xin xem Phụ lục 1 - Điều khoản tham chiếu.

1.3. Phương pháp tiến hành nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với 2 phương pháp chính là: (1) nghiên cứu tài liệu tại bàn và (2) tham vấn chuyên gia.



Hình 1. Phương pháp thực hiện nghiên cứu

1.3.1. Nghiên cứu tại bàn

Nghiên cứu tại bàn là phần then chốt trong nhiệm vụ này. Các tài liệu được rà soát và tổng hợp bao gồm:

- ✓ Các văn bản pháp luật liên quan đến lâm nghiệp, DTTS (đất đai, cơ hội kinh tế và việc làm...), quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng.
- ✓ Các bộ dữ liệu điều tra, thống kê liên quan đến dân cư, DTTS, lâm nghiệp.
- ✓ Các tài liệu liên quan đến Hiệp định VPA/FLEGT.
- ✓ Một số báo cáo, nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan.

1.3.2. Tham vấn chuyên gia

Tham vấn chuyên gia được thực hiện nhằm thu thập ý kiến về về thực trạng theo dõi, đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến DTTS cũng như nhằm hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá. Việc tham vấn chuyên gia được thực hiện trong thời gian từ ngày 4/10-13/11/2024. Do phụ thuộc vào thời gian của các chuyên gia cũng như thực tế tại thời điểm tiến hành nghiên cứu (hậu bão Yagi, các cơ quan liên quan cần thực hiện các công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả bão) nên việc thu xếp phỏng vấn và tham vấn bị kéo dài. Hình thức thực hiện tham vấn chuyên gia gồm là thảo luận trực tiếp và trực tuyến.

Tư vấn đã thực hiện tham vấn ý kiến với các chuyên gia từ Bộ NN&PTNT, Tổng cục thống kê, Ủy ban dân tộc và Trung tâm Phát triển nông thôn miền trung.

Bảng 1. Chuyên gia tham vấn

Chuyên gia tham vấn
Chuyên gia từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cục Kiểm lâm Cục Lâm nghiệp Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD)
Chuyên gia từ Tổng cục thống kê
Vụ Thống kê Dân số và Lao động Vụ Xã hội môi trường
Chuyên gia từ Ủy ban dân tộc
Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi
Chuyên gia từ tổ chức phi chính phủ liên quan
Trung tâm Phát triển nông thôn miền trung (CRD)

Nội dung tham vấn chuyên gia xin xem Phụ lục 3.

2. Khung phân tích

Hiệp định VPA/FLEGT nhằm ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp và thúc đẩy thương mại gỗ hợp pháp. Mục tiêu chính của Hiệp định VPA/FLEGT bao gồm:

- ✓ **Ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp:** Nhằm giảm thiểu tình trạng khai thác gỗ bất hợp pháp.
- ✓ **Thúc đẩy thương mại gỗ:** Tạo ra một thị trường cho sản phẩm gỗ hợp pháp, giúp các quốc gia sản xuất gỗ tuân thủ các quy định về bảo vệ rừng và phát triển bền vững.
- ✓ **Cải thiện quản trị rừng:** Tăng cường năng lực quản lý và giám sát tài nguyên rừng, giúp các quốc gia thực thi pháp luật rừng và nâng cao hiệu quả quản trị ngành lâm nghiệp.

Từ các mục tiêu chính của Hiệp định VPA/FLEGT, nghiên cứu được thực hiện dựa trên khung phân tích như sau:

Bảng 2. Khung phân tích của nghiên cứu

Hiệp định VPA/FLEGT	1. Ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp	1.1. Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp	1.1.1. Quy định pháp luật liên quan	
			1.1.2. Tăng cường tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần thiết	
			1.1.3. Tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan	
	2. Thúc đẩy thương mại gỗ (tăng cường khả năng tiếp cận các cơ hội thị trường)	2.1. Khai thác	2.1.1. Quy định về khai thác gỗ (quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quản lý và bảo vệ rừng và các quy định về khai thác)	
			2.2. Sản xuất	2.2.1. Sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, chế biến và xuất, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ
		2.3. Kinh doanh		2.2.2. Phát triển rừng gỗ lớn, rừng trồng có giá trị gia tăng
			2.3.1. Phát triển doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã	
		3. Cải thiện quản trị rừng	3.1. Quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên trong nước	2.3.2. Cơ hội kinh tế, việc làm
				3.1.1. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
	3.1.2. Quản lý và bảo vệ rừng			

Bảng 3. Ma trận đánh giá tác động dựa trên Ma trận IMIM

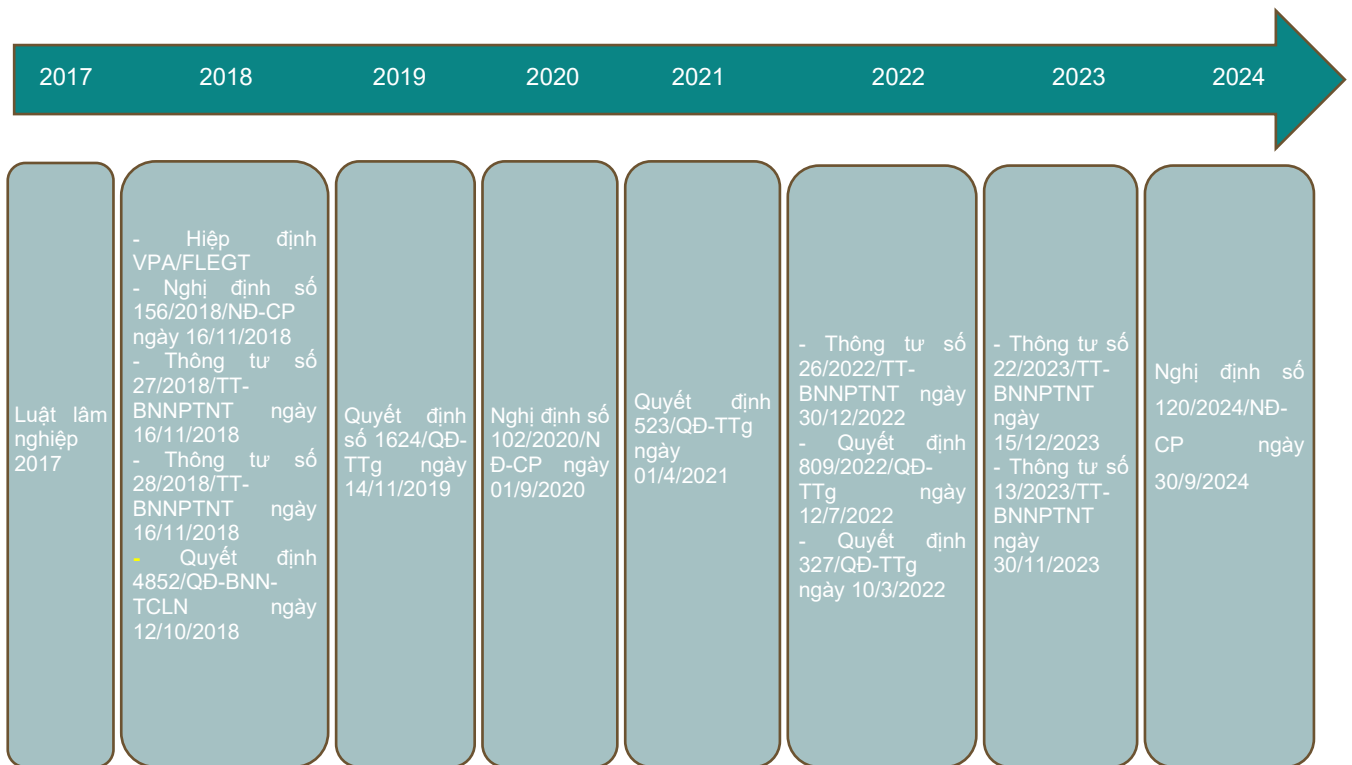
Chủ đề	Khung pháp lý	Các chỉ số và dữ liệu thống kê	Những phát hiện, vấn đề và xu hướng chính	Ưu tiên và cơ hội của nhóm DTTS
Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng	<ul style="list-style-type: none"> Hiện Việt Nam có những quy định pháp lý, văn bản pháp luật, chính sách nào liên quan? 	<ul style="list-style-type: none"> Có thể sử dụng những chỉ số thích hợp nào để phân tích các khía cạnh liên quan đến dân tộc thiểu số trong lĩnh vực chủ đề này? Có những nguồn dữ liệu nào về các chỉ số này? Dữ liệu cho chúng ta biết điều gì về bối cảnh quốc gia và lĩnh vực? 	<ul style="list-style-type: none"> Những phát hiện chính và các vấn đề và xu hướng quan trọng trong lĩnh vực chuyên đề này là gì? Đây có thể là các vấn đề chung của dân tộc thiểu số trong xã hội và nền kinh tế được phản ánh trong lâm nghiệp, các vấn đề cụ thể liên quan đến ngành lâm nghiệp hoặc các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng và thực hiện luật pháp và chính sách. Những sáng kiến nào đang được tiến hành để giải quyết các vấn đề như vậy và chúng hiệu quả như thế nào? 	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các vấn đề DTTS cần giải quyết trong thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT Các khuyến nghị về giám sát quá trình VPA/FLEGT, bảo vệ xã hội và giám sát tác động. Các ưu tiên cho nghiên cứu sâu hơn và hệ thống thu thập dữ liệu. Các đề xuất cho các hoạt động của các dự án và đối tác VPA/FLEGT. Các ưu tiên cho thông tin, vận động và truyền thông thay đổi hành vi.
Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ	<ul style="list-style-type: none"> Những quy định pháp lý này được phản ánh và lồng ghép như thế nào và ở mức độ nào trong Hiệp định VPA/FLEGT 			
Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực				
Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ				

Chi tiết xin xem Phụ lục 1: Điều khoản tham chiếu

3. Hành lang pháp lý

Trong giai đoạn đàm phán, phê chuẩn và bắt đầu thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT (từ 2010 đến nay), Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng

hành lang pháp lý liên quan đến hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp và truy xuất nguồn gốc lâm sản. Những tiến bộ này không chỉ giúp Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế mà còn đã giúp cải thiện quản lý tài nguyên rừng, tăng cường minh bạch trong hoạt động khai thác và thương mại gỗ, và đảm bảo quyền lợi của cộng đồng địa phương.



Hình 2. Hành lang pháp lý

Luật Lâm nghiệp 2017 là một trong những nền tảng quan trọng giúp Việt Nam xây dựng và thiết lập hệ thống giám sát và kiểm tra việc khai thác gỗ hợp pháp, quy định về việc chứng nhận nguồn gốc gỗ hợp pháp, bảo vệ quyền lợi của cộng đồng DTTS, và tạo ra các cơ chế xử lý vi phạm nghiêm khắc đối với các hành vi khai thác gỗ bất hợp pháp. Các yêu cầu này phù hợp với các cam kết trong Hiệp định VPA/FLEGT, từ đó đảm bảo rằng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sẽ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP) quy định chi tiết về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp trong việc kiểm soát, xác minh và chứng nhận nguồn gốc hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ, góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam trong Hiệp định VPA/FLEGT. **Nghị định số 102/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP)** là một văn bản pháp lý quan trọng trong việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, giúp đảm bảo tính hợp pháp trong chuỗi cung ứng gỗ, bảo vệ tài

nguyên rừng, và đồng thời tạo điều kiện cho các cộng đồng địa phương, đặc biệt là cộng đồng DTTS, tham gia vào quá trình quản lý và khai thác rừng bền vững.

Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản (được thay thế bằng Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch của chuỗi cung ứng gỗ tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết và thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Thông tư này giúp quy định cụ thể quy trình truy xuất nguồn gốc lâm sản, nâng cao công tác kiểm tra, quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, góp phần kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến khai thác, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu lâm sản; tạo điều kiện cho Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm gỗ hợp pháp ra thế giới, qua đó nâng cao vị thế của sản phẩm gỗ Việt Nam trên thị trường quốc tế. Các quy định này tạo thuận lợi cho các cộng đồng địa phương, đặc biệt là cộng đồng DTTS tạo lập hồ sơ ban đầu một cách hợp pháp, đúng quy định pháp luật khi đưa lâm sản tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Chi tiết về Hành lang pháp lý liên quan xin xem Phụ lục 2

Bảng 4. Một số quy định pháp lý liên quan

Chủ đề	Khung pháp lý	Lồng ghép trong Hiệp định VPA/FLEGT
Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng	<p>Luật Lâm nghiệp 2017</p> <p>Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Khoản 6. Nhà nước bảo đảm cho đồng bào DTTS, cộng đồng dân cư sinh sống phụ thuộc vào rừng được giao rừng gắn với giao đất để sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; được hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng, chia sẻ lợi ích từ rừng; được thực hành văn hóa, tín ngưỡng gắn với rừng theo quy định của Chính phủ.</p> <p>Điều 7. Sở hữu rừng</p> <p>Khoản 2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng bao gồm:</p> <p>a) Rừng do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đầu tư;</p> <p>b) Rừng được nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng từ chủ rừng khác theo quy định của pháp luật.</p>	PHỤ LỤC II/ PHỤ ĐÍNH 1B. ĐỊNH NGHĨA GỖ HỢP PHÁP ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH

Chủ đề	Khung pháp lý	Lồng ghép trong Hiệp định VPA/FLEGT
	<p>Điều 14. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng</p> <p>Khoản 8. Tôn trọng không gian sinh tồn, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư; ưu tiên giao rừng cho đồng bào DTTS, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng, truyền thống gắn bó với rừng, có hương ước, quy ước phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
	<p>Điều 17. Cho thuê rừng sản xuất</p> <p>Nhà nước cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng trả tiền thuê rừng một lần hoặc hằng năm để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.</p>	
	<p>Luật Lâm nghiệp Điều 94. Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng Khoản 2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động c) Hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng của đồng bào DTTS, cộng đồng dân cư gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới</p>	
<p>Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ</p>	<p>Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2011 về công tác dân tộc</p> <p>Điều 9. Chính sách đầu tư phát triển bền vững (Khoản 4 và khoản 6)</p> <p>Khoản 4. Chủ đầu tư các dự án quy hoạch, xây dựng có ảnh hưởng tới đất đai, môi trường, sinh thái và cuộc sống của đồng bào các dân tộc, phải công bố công khai và lấy ý kiến của nhân dân nơi có công trình, dự án được quy hoạch, xây dựng quy định của pháp luật; tổ chức tái định cư, tạo điều kiện để người dân đến nơi định cư mới có cuộc sống ổn định tốt hơn nơi ở cũ.</p> <p>Chính quyền ở nơi có người đến định cư có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư đảm bảo định canh, định cư lâu dài, tạo điều kiện để đồng bào ổn định cuộc sống.</p> <p>Khoản 6. Thực hiện các chương trình, đề án xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, giải quyết cơ</p>	

Chủ đề	Khung pháp lý	Lồng ghép trong Hiệp định VPA/FLEGT
	<p>bản vấn đề vốn, đất ở, đất sản xuất, công cụ sản xuất cho nông dân thiếu đất, nhà ở, nước sinh hoạt, hỗ trợ phát triển kinh tế, giao đất, giao rừng cho hộ gia đình ở vùng DTTS, chuyển dịch cơ cấu lao động, ngành nghề, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.</p>	
	<p>Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Chính phủ ngày 14 tháng 10 năm 2021</p> <p>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</p>	
	<p>Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 4 năm 2022</p> <p>Điều 20. Hộ nghèo DTTS được vay vốn hỗ trợ đất sản xuất (tối đa 77,5 triệu đồng/hộ, Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ)</p> <p>Điều 26. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người DTTS, tham gia vào Dự án phát triển vùng trồng được liệu quý, Dự án trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Điều 32. Hộ nghèo, hộ cận nghèo (DTTS) và Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người DTTS được vay vốn để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị</p>	
	<p>Thông tư 12/2022/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022</p> <p>Điều 17. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng</p> <p>Khoản 2 a. Hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (sau đây gọi tắt là hộ gia đình) được nhận khoán bảo vệ rừng</p>	

Chủ đề	Khung pháp lý	Lồng ghép trong Hiệp định VPA/FLEGT
<p>Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực</p>	<p>Luật Lâm nghiệp 2017</p> <p>Điều 3. Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp</p> <p>Khoản 4. Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp.</p> <p>Điều 10. Nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch lâm nghiệp</p> <p>Khoản 1d. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; bảo đảm công khai, minh bạch và bình đẳng giới.</p> <p>Điều 14. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng</p> <p>Khoản 7. Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân địa phương; không phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng.</p>	<p>Điều 15. Sự tham gia của các bên trong việc thực thi Hiệp định</p> <p>Điều 16. An toàn xã hội (Khoản 1).</p>
<p>Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ</p>	<p>NA</p>	<p>NA</p>

4. Bộ chỉ số đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

4.1. Nguyên tắc xây dựng bộ chỉ số

Khung GSDG Hiệp định VPA/FLEGT đưa ra 6 lĩnh vực tác động¹. Nghiên cứu này tập trung vào giám sát đánh giá tác động xã hội đối với cộng đồng DTTS. Khung GSDG Hiệp định VPA/FLEGT đã đưa ra các chỉ số đánh giá tác động xã hội đối với nhóm DTTS gồm bốn (04) chỉ số chính (Ma trận IMIM). Từ Khung GSDG này và Khung phân tích được xác định ở phần trên, Tư vấn xây dựng các chỉ số đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS dựa trên nguyên tắc SMART, cụ thể:

- ✓ **Specific (Tính cụ thể):** Các chỉ số cần rõ ràng, thể hiện được nội dung đánh giá sát đánh giá, bao quát các lĩnh vực có thể bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS; các chỉ số thể hiện tính so sánh giữa nhóm DTTS và nhóm không phải DTTS cũng như giữa nhóm chủ hộ là nữ với trung bình cả nước.
- ✓ **Measurable (Đo lường được):** Các chỉ số cần đo lường được, với bối cảnh đánh giá, các chỉ số đa phần được đưa về dạng tương đối, tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng thể để có thể so sánh, đánh giá.
- ✓ **Achievable (Khả năng thực hiện):** Bộ chỉ số và phương pháp thu thập dữ liệu cần được công khai, dễ tiếp cận và hiểu được bởi các bên liên quan, bao gồm cộng đồng DTTS; các dữ liệu cần tận dụng tối đa nguồn dữ liệu thứ cấp có sẵn và có thể thu thập được, với các dữ liệu không có sẵn, các cơ quan cấp địa phương có khả năng thu thập và xử lý dữ liệu theo cách đơn giản và hiệu quả.
- ✓ **Realistic (Tính thực tế):** Các chỉ số bám sát Khung GSDG của Hiệp định VPA/FLEGT, được phát triển dựa trên các chỉ số tác động xã hội đối với nhóm DTTS của Khung GSDG; bộ chỉ số cần linh hoạt, có khả năng điều chỉnh và cập

¹ gồm: xã hội, môi trường, kinh tế - khả năng cạnh tranh xuất khẩu, kinh tế - quan hệ đối tác và đầu tư vào chuỗi cung ứng gỗ, thực thi pháp luật và quản trị, và hợp tác khu vực và quốc tế.

nhật khi có sự thay đổi trong điều kiện thực tế hoặc khi các yếu tố tác động mới xuất hiện trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Đồng thời, chỉ số đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT cần so sánh giữa nhóm DTTS và nhóm không phải DTTS và trung bình cả nước để đánh giá sự khác nhau.

- **Time-bound (Khung thời gian):** Các chỉ số cần được theo dõi liên tục để phản ánh các thay đổi trong chính sách, pháp luật hoặc các điều kiện xã hội và kinh tế có thể ảnh hưởng đến cộng đồng DTTS, các chỉ số được thu thập cùng một mốc thời gian, dựa trên tình hình dữ liệu tại VN, khuyến nghị mốc đánh giá là 5 năm/lần. Đồng thời các chỉ số cần được so sánh với mốc thời gian trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT để đánh giá sự thay đổi.

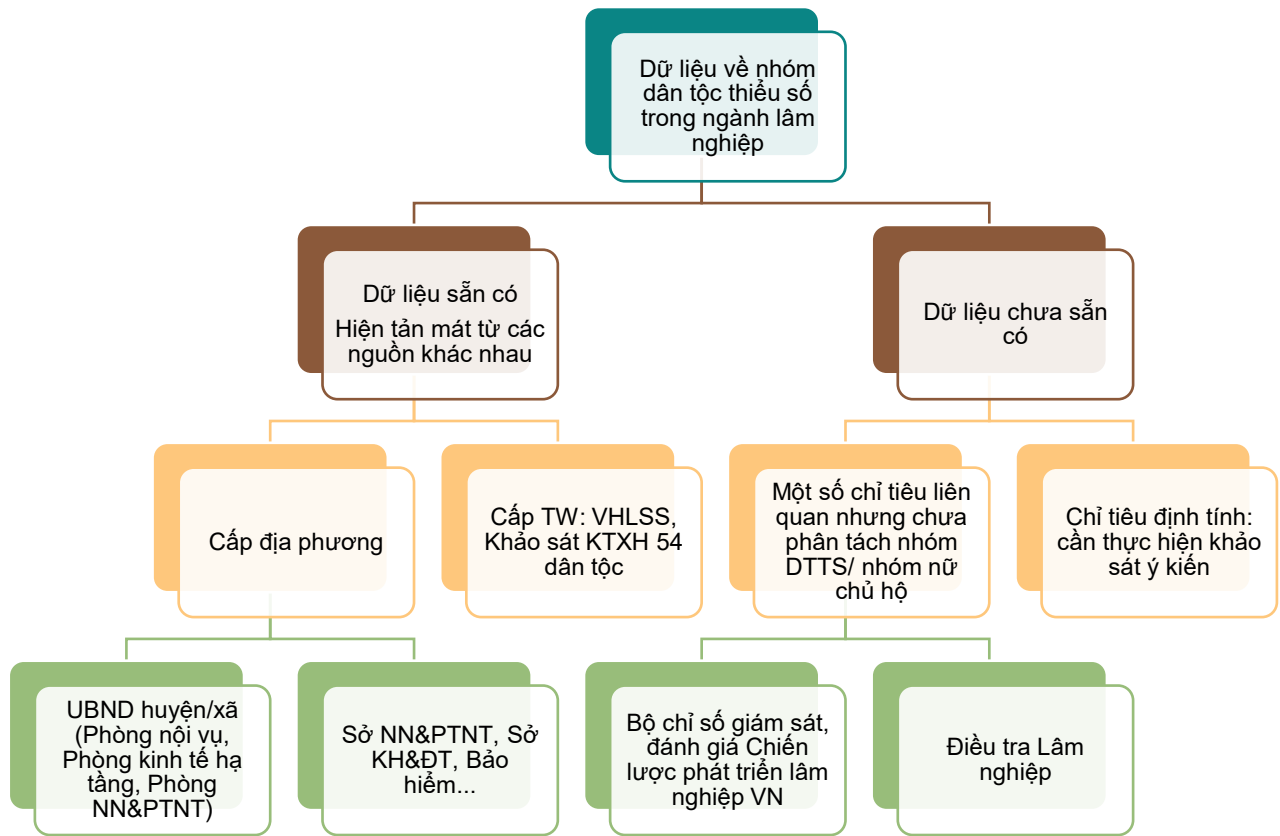
Bảng 5. Chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Chủ đề	Nhóm chỉ số đề xuất	Yêu cầu đặt ra
Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng	Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng Quyền và sự tham gia trong quản lý và bảo vệ rừng	Việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT ảnh hưởng đến quyền tiếp cận tài nguyên rừng của nhóm cộng đồng yếu thế hoặc những người DTTS biểu hiện thông qua sự thay đổi diện tích rừng hoặc đất rừng được giao/khoán cho các hộ gia đình và những thay đổi trong quản lý bảo vệ rừng. Các tiêu chí này giúp cung cấp cái nhìn về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng của các nhóm DTTS, từ việc quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng đến quyền và sự tham gia trong quản lý và bảo vệ rừng.
Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ	Cơ hội kinh tế Việc làm và điều kiện lao động	Việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT giúp phát triển công nghiệp gỗ bền vững, tăng cường hiệu quả chuỗi cung ứng gỗ, tăng số lượng công ty, doanh nghiệp hoạt động trong ngành gỗ, đây là điều kiện tạo ra nhiều cơ hội việc làm. Nhóm tiêu chí đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến cơ hội kinh tế và việc làm của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ gồm: Cơ hội kinh tế và thu nhập; Cơ hội việc làm và điều kiện lao động
Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm	Sự tham gia Tính đại diện Vai trò lãnh đạo	Hiệp định VPA/FLEGT giúp phát triển công nghiệp gỗ bền vững, tăng cường hiệu quả chuỗi cung ứng gỗ, có thể cung cấp nhiều cơ hội đào tạo và việc làm, phúc lợi xã hội cho người lao động nghề gỗ. Trong bối cảnh thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và tác động đến cộng đồng DTTS tại Việt Nam, sự tham gia, tính đại diện và

Chủ đề	Nhóm chỉ số đề xuất	Yêu cầu đặt ra
ng nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực		vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực có thể được đánh giá thông qua các chỉ số như sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo
Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ	<p>Kiến thức/thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS</p> <p>Áp dụng trong thực tế</p> <p>Nhận thức và đánh giá</p>	<p>Việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT hướng đến việc đảm bảo tính hợp pháp của gỗ trong chuỗi cung ứng gỗ. Bên cạnh đó, việc tăng cường hiểu biết về luật định bao gồm VNTLAS, các quy định pháp lý liên quan cho đồng bào DTTS có thể là một hoạt động chính khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.</p> <p>Các nhóm tiêu chí này giúp đánh giá về kiến thức và hiểu biết của các nhóm DTTS về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS, cùng với sự nhận thức về vai trò và tác động của Hiệp định này đối với sinh kế và cộng đồng của họ.</p>

4.2. Nguồn dữ liệu

Hiện tại, không có bộ dữ liệu cấp quốc gia về nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp. Các dữ liệu nằm rải rác trong các cuộc khảo sát/điều tra toàn quốc khác nhau và không được phân tách theo ngành lâm nghiệp hoặc dữ liệu về lâm nghiệp không được phân tách theo nhóm DTTS. Do đó, để có thông tin về các DTTS trong ngành lâm nghiệp, cần phải tích hợp từ các nguồn dữ liệu khác nhau, một số số liệu sẽ cần được thu thập, tổng hợp từ cấp địa phương và một số dữ liệu thậm chí sẽ cần tổ chức điều tra khảo sát.



Hình 3. Dữ liệu liên quan đến nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp

4.2.1. Cấp trung ương

Hiện không có cơ sở dữ liệu nào có thể phản ánh tất cả bốn chủ đề chính được xác định trong Ma trận IMIM liên quan đến tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với các DTTS. Thay vào đó, bộ chỉ số cần tận dụng tối đa các dữ liệu thứ cấp có sẵn. Các dữ liệu hiện thiếu do bộ dữ liệu về DTTS không được phân tách theo ngành lâm nghiệp hoặc dữ liệu về lâm nghiệp không được phân tách theo nhóm DTTS cần được xem xét nghiên cứu đề xuất để trong thời gian tới có thể phân tách các lớp dữ liệu. Dữ liệu thống kê từ cơ sở dữ liệu quốc gia và các cuộc điều tra khảo sát của các cơ quan quản lý nhà nước như Bảng 6 dưới đây.

Bảng 6. Các nguồn dữ liệu thống kê liên quan

Bộ dữ liệu	Cơ quan theo dõi và quản lý	Nguồn dữ liệu	Hiện trạng
Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS)	Tổng cục thống kê	https://datacollection.gso.gov.vn/khaosatmucsongdancu/tai-lieu-dieu-tra-2	2 năm/lần 2010-2024
Điều tra thực trạng kinh tế xã	Tổng cục thống kê	https://dieutradantoc.gso.gov.vn/dieu-tra-dan-	5 năm/lần

hội của dân tộc thiểu số Việt Nam (EM)	và Ủy ban dân tộc	toc.html	2015, 2019 2024 (chưa có dữ liệu)
Điều tra lâm nghiệp	Tổng cục thống kê/ Bộ NN&PTNT		Hàng năm Hiện chưa bóc tách nhóm DTTS
Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN)	Bộ NN&PTNT		Chưa công bố Hiện chưa bóc tách nhóm DTTS và nhóm nữ chủ hộ
Điều tra kinh tế (điều tra doanh nghiệp)	Tổng cục thống kê	https://datacollection.gso.gov.vn/dieutradoanhnghiep2024/tai-lieu-dieu-tra	Hàng năm Không bóc tách số liệu DN ngành lâm nghiệp do người DTTS làm chủ
Điều tra lao động việc làm	Tổng cục thống kê	https://www.gso.gov.vn/d-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/03/bao-cao-dieu-tra-lao-dong-viec-lam-nam-2021-2/	Hàng năm Từ năm 2015 không bóc tách nhóm DTTS
Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Dân số và Lao động	Tổng cục thống kê	https://www.gso.gov.vn/dao-dong/	Hàng năm Không bóc tách nhóm DTTS
Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Nông thôn, Nông nghiệp và Ngư nghiệp	Tổng cục thống kê	https://www.gso.gov.vn/nong-lam-nghiep-va-thuy-san/	Hàng năm Không bóc tách nhóm DTTS

4.2.2. Cấp địa phương

Báo cáo, dữ liệu hàng năm của các đơn vị liên quan như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm tỉnh.

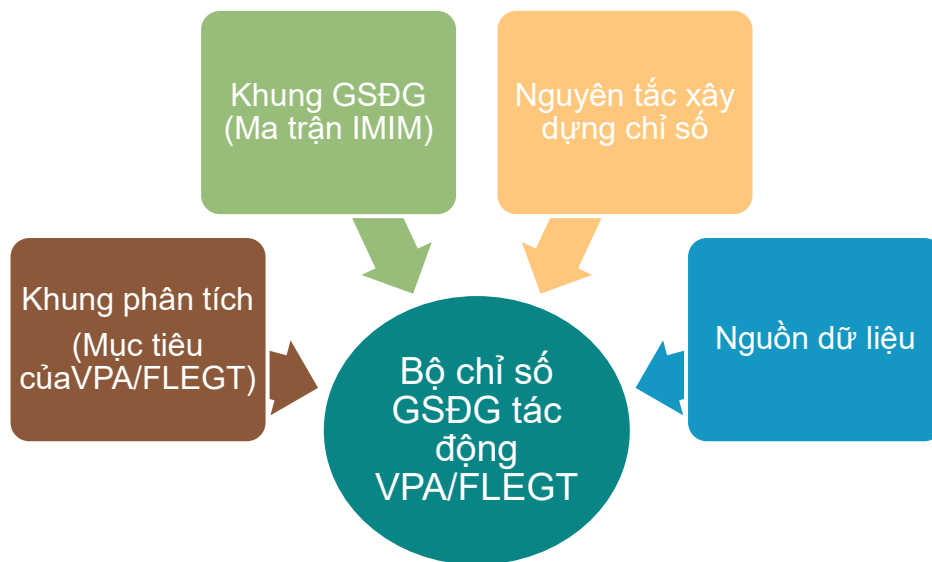
Tài liệu, báo cáo của UBND huyện (Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng kinh tế hạ tầng, Phòng lao động TBXH) và Hạt kiểm lâm huyện.

Từ tổng quan về dữ liệu thứ cấp có sẵn liên quan đến nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp, có thể thấy rằng:

- ✓ Các cơ sở dữ liệu cấp quốc gia để phản ánh các DTTS trong ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Khung GSDG có thể được tận dụng một phần từ các cuộc khảo sát cấp quốc gia thường xuyên của Tổng cục thống kê bao gồm: Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS), Điều tra thực trạng kinh tế xã hội của DTTS Việt Nam (EM).
- ✓ Ngoài hai cuộc điều tra trên, dữ liệu cấp quốc gia phản ánh ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Ma trận IMIM có thể được thu thập từ Điều tra lâm nghiệp (Tổng cục thống kê) và Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tuy nhiên, với đối tượng mục tiêu là các DTTS trong ngành lâm nghiệp, thì các kết quả được công bố chỉ đề cập đến dữ liệu tổng hợp về ngành lâm nghiệp, không bóc tách nhóm DTTS, đồng thời, các dữ liệu này chưa được công bố trực tuyến.
- ✓ Theo kết quả tham vấn các chuyên gia, phần lớn dữ liệu phản ánh các DTTS trong ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Khung GSDG có thể thu thập từ số liệu tổng hợp của các cơ quan cấp địa phương như Sở/Phòng Kế hoạch và Đầu tư (số liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã của người DTTS), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh, huyện (số liệu liên quan đến lâm nghiệp, rừng và tài nguyên rừng), Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm cấp tỉnh (số liệu về nhân sự, lao động).

4.3. Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Để xây dựng Bộ chỉ số giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với các cộng đồng DTTS, Tư vấn căn cứ vào các yếu tố: (1) mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT (Khung phân tích của nghiên cứu); (2) Khung GSDG Hiệp định VPA/FLEGT (tác động xã hội của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS – Ma trận IMIM); và (3), các nguyên tắc xây dựng chỉ số và nguồn dữ liệu hiện tại như đã phân tích phần trên.



Hình 4. Các yếu tố xây dựng Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Bảng 7. Ma trận bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS và mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT

(Ma trận tương quan giữa khung phân tích của nghiên cứu và Ma trận IMIM)

Hiệp định VPA/FLEGT		1. Ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp			2. Thúc đẩy thương mại gỗ			3. Cải thiện quản trị rừng			
		1.1.1. Quy định pháp luật liên quan	1.1.2. Tăng cường tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần thiết	1.1.3. Tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan	2.1.1. Quy định về gỗ khai thác (quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quản lý và bảo vệ rừng và các quy định về khai thác)	2.2.1. Sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, chế biến và xuất, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ	2.2.2. Phát triển rừng gỗ lớn, rừng trồng có giá trị gia tăng	2.3.1. Phát triển DN, hộ kinh doanh, HTX (Khi thị trường gỗ phát triển, tăng cường các đơn vị chế biến gỗ được thành lập (hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh)	2.3.2. Cơ hội kinh tế, việc làm	3.1.1. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	3.1.2. Quản lý và bảo vệ rừng
Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng	Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng	Quy định nhà nước về Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng			Tình trạng về quyền sử dụng và quyền sở hữu về: đất rừng, đất rừng được giao, đất rừng sản xuất	Tình trạng sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp (VPA/FLEGT thúc đẩy thị trường gỗ => phát triển ngành công nghiệp gỗ => tăng sản lượng	Tình trạng đất rừng sản xuất				

						lâm nghiệp => phân bổ nhiều đất rừng hơn cho các hộ gia đình)					
	Quyền và sự tham gia trong quản lý và bảo vệ rừng			Tham gia các cơ quan quản lý và bảo vệ, phát triển rừng	Tham gia khoán bảo vệ rừng						Tham gia khoán bảo vệ rừng
Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ	Cơ hội kinh tế					Tỷ lệ tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa	Phát triển rừng gỗ lớn, rừng có chứng nhận bền vững (rừng có giá trị gia tăng sẽ tăng thu nhập và cơ hội kinh tế)	Kinh doanh nghiệp lâm nghiệp, cung ứng gỗ sản xuất Số lượng DN/hộ KD ngành lâm nghiệp	Thu nhập từ kinh doanh lâm nghiệp	Phát triển rừng có chứng nhận bền vững (rừng có chứng nhận bền vững có thể tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, có thể tăng cơ hội kinh tế cho người DTTS)	
	Việc làm và điều kiện lao động	Lao động ngành lâm nghiệp được đóng bảo hiểm				Thu nhập từ lâm nghiệp		Việc làm từ ngành lâm nghiệp Số lượng DN/hộ KD ngành lâm nghiệp (số này tăng thì số việc làm tăng)	Việc làm/công việc/thu nhập từ lâm nghiệp, Lao động được đào tạo (nếu được đào tạo sẽ tăng cơ hội việc làm)		

Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực	Sự tham gia			Khả năng tham gia ý kiến trong lĩnh vực lâm nghiệp		Tham gia DN/hộ KD/HTX ngành lâm nghiệp		Số lượng DN/hộ KD/HTX ngành lâm nghiệp có chủ sở hữu là người DTTS			
	Tính đại diện		Tỷ lệ tham gia cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp	Tỷ lệ tham gia cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp							
	Vai trò lãnh đạo		Tỷ lệ lãnh đạo trong cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp	Tỷ lệ lãnh đạo trong cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp							
Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ	Kiến thức/thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS	Phổ biến thông tin về VPA/FLEGT và văn bản pháp lý liên quan	Tiếp cận thông tin Kiến thức, thông tin thu nhận được		Kiến thức, thông tin về gỗ khai thác						Kiến thức thông tin về gỗ hợp pháp
	Áp dụng trong thực tế			Hỗ trợ tư vấn thực hiện theo quy định	Áp dụng đúng trong thực tế	Thực hành đúng quy trình					
	Nhận thức và đánh giá		Chất lượng đào tạo và phổ biến kiến thức						Đánh giá vai trò, tác động của VPA/FLEGT		

Từ Ma trận trên, Tư vấn xây dựng các chỉ số cụ thể như sau:

Bảng 8. Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
1. Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng					
1.1. Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng					
Chỉ số 1.1.1	Tình trạng pháp lý về quyền sở hữu đất và rừng: - Hiện có các quy định về việc bảo vệ quyền sở hữu tài nguyên rừng của các nhóm DTTS theo quy định của pháp luật và Hiệp định VPA/FLEGT hay không? <i>*So sánh theo các mốc thời gian thực hiện theo dõi, đánh giá</i>	Đánh giá sự công nhận và bảo vệ quyền sở hữu tài nguyên rừng của các nhóm DTTS theo quy định của pháp luật và Hiệp định VPA/FLEGT	Hệ thống văn bản pháp lý trung ương và địa phương	Hệ thống văn bản pháp lý trung ương và địa phương	Bộ NN&PTNT
Chỉ số 1.1.2	Tình trạng diện tích đất rừng, đất lâm nghiệp: - Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp trên tổng số hộ có sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp (%) - Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp của hộ DTTS - Bình quân trên nhân khẩu diện tích lâm nghiệp do hộ có chủ hộ là người DTTS có sử dụng hoặc quản lý	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của nhóm DTTS	VHLSS (4b0_Mục 04_1B)	VHLSS (4b0_Mục 04_1B)	Tổng cục thống kê

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	<p>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</p> <p>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</p>				
Chỉ số 1.1.3	<p>Tình trạng đất rừng được cấp GCNQSD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ DTTS/cộng đồng DTTS có giấy CNQSD rừng và đất rừng trên tổng số hộ có giấy CNQSD rừng và đất rừng - Diện tích rừng, đất rừng đã được cấp GCNQSD cho hộ DTTS/ cộng đồng DTTS Tỉ lệ % của diện tích rừng, đất rừng đã được cấp GCNQSD so với tổng diện tích rừng của hộ có chủ hộ là DTTS <p>* Chia theo nhóm có chủ hộ là nữ</p> <p>* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</p>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của nhóm DTTS	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Chi cục kiểm lâm tỉnh
Chỉ số 1.1.4	<p>Tình trạng đất rừng được giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ % hộ DTTS/cộng đồng DTTS được giao rừng sản xuất trên tổng số hộ được giao rừng sản xuất; - Tổng diện tích rừng, đất rừng được giao của hộ DTTS/cộng đồng DTTS; 	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện VPA/FLEGT của nhóm DTTS	Hiện có các nguồn dữ liệu sau: - Chỉ tiêu 1503 "Diện tích rừng được giao cho hộ gia đình và cộng đồng" - Báo cáo	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Chi cục kiểm lâm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng diện tích rừng, đất rừng được giao của hộ DTTS/cộng đồng DTTS có GCNQSD; - Tỷ lệ % đất rừng sản xuất được giao cho hộ DTTS/cộng đồng DTTS trên tổng diện tích đất rừng sản xuất của địa phương; * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác) 		<ul style="list-style-type: none"> điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; - Tổng diện tích rừng được giao - Điều tra lâm nghiệp – Tổng cục thống kê (hiện chưa phân tách nhóm DTTS) - Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện - Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh 		
Chỉ số 1.1.5	<p>Tình trạng đất rừng sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ DTTS trồng rừng sản xuất - Diện tích rừng trồng sản xuất của hộ DTTS/cộng đồng DTTS - Diện tích rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS có giấy CNQSD; - Tỷ lệ % đất rừng trồng sản xuất do hộ DTTS/cộng đồng DTTS trồng trên tổng diện tích đất rừng trồng sản xuất của địa phương? * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ 	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của nhóm DTTS	<p>Hiện có các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu 0401 "Diện tích trồng rừng sản xuất hàng năm" - Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp - Tổng diện tích rừng trồng - Điều tra lâm nghiệp – Tổng cục thống kê 	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Chi cục kiểm lâm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	* So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)		(hiện chưa chia nhóm DTTS) - Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện - Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh		
1.2. Quyền và sự tham gia trong quản lý tài nguyên rừng					
Chỉ số 1.2.1	Khoán bảo vệ rừng: - Số hộ DTTS/cộng đồng DTTS được khoán bảo vệ rừng - Tỷ lệ % hộ DTTS/cộng đồng DTTS có hợp đồng KBVR * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)	Đánh giá tỷ lệ và mức độ tham gia của các nhóm DTTS trong các quyết định quản lý tài nguyên rừng và các cơ chế liên quan.	Hiện có các nguồn sau: - Chỉ tiêu 0604 "Số hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhận khoán BVR" - Điều tra đánh giá ngành lâm nghiệp (hiện chưa chia nhóm DTTS) - Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Chi cục kiểm lâm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 1.2.2	Tỷ lệ % người DTTS trong tổng số nhân sự các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp (trên tổng nhân sự của cơ quan, tổ chức đó) * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước	Xem xét sự hiện diện và vai trò của các đại diện DTTS trong các cơ quan, ủy ban, và tổ chức quản lý rừng.	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp - Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm tỉnh	Dữ liệu kê của Bảo hiểm tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
2. Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ					
2.1. Cơ hội kinh tế					
Chỉ số 2.1.1	Tỷ lệ số hộ miền núi, người DTTS sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá tỷ lệ hộ DTTS có tham gia sản xuất lâm nghiệp (tầm quan trọng của hoạt động lâm nghiệp)	Chỉ tiêu 1202 - Điều tra đánh giá ngành lâm nghiệp	Chỉ tiêu 1202 - Điều tra đánh giá ngành lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
Chỉ số 2.1.2	Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có thu từ trồng/ quản lý/ bảo vệ/ chăm sóc rừng, ươm các loại giống cây lâm nghiệp, thu nhật sản phẩm từ rừng, thu hoạch cây lâm nghiệp (tre, gỗ, củi, ... kể cả trong vườn nhà); hoạt động dịch vụ lâm nghiệp? * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ	Đánh giá tỷ lệ hộ DTTS có thu nhập từ lâm nghiệp (tầm quan trọng của hoạt động lâm nghiệp)	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	Tổng cục thống kê

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
		<i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>			
Chỉ số 2.1.3	<p>- Thu nhập bình quân đầu người của hộ có chủ hộ là người DTTS có nguồn thu từ lâm nghiệp (trồng/quản lý/ bảo vệ/ chăm sóc rừng, ươm các loại giống cây lâm nghiệp, thu nhặt sản phẩm từ rừng, thu hoạch cây lâm nghiệp (tre, gỗ, củi, ... kể cả trong vườn nhà); hoạt động dịch vụ lâm nghiệp)</p> <p>- Mức tăng thu nhập bình quân của người DTTS làm lâm nghiệp</p> <p><i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i></p> <p><i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i></p>	<p>Theo dõi sự thay đổi trong thu nhập của các cá nhân và hộ gia đình từ các hoạt động kinh tế liên quan đến lâm nghiệp và chế biến gỗ.</p>	<p>Hiện có các nguồn sau:</p> <p>- VHLSS (4b4_Mục 04_1B)</p> <p>- Chỉ tiêu 0902 - Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược</p>	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	Tổng cục thống kê
Chỉ số 2.1.4	<p>Tỷ lệ thu nhập từ lâm nghiệp so với tổng thu nhập trong năm của hộ có chủ hộ là người DTTS</p> <p><i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i></p> <p><i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i></p>	<p>Đánh giá đóng góp/tầm quan trọng của thu nhập từ lâm nghiệp trong tổng thu nhập của hộ gia đình</p>	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	Tổng cục thống kê

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 2.1.5	Tỷ lệ % hộ DTTS được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội nhằm mục đích sản xuất kinh doanh hoạt động lâm nghiệp? * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá mức độ tiếp cận của các nhóm DTTS đến các nguồn vốn và tín dụng ưu đãi để đầu tư vào các hoạt động sản xuất lâm nghiệp và chế biến gỗ.	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội - Khảo sát dân tộc thiểu số: Tỷ lệ hộ dân là DTTS được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội nhằm mục đích sản xuất kinh doanh (chưa phân tách hoạt động lâm nghiệp)	Báo cáo hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội	Ngân hàng Chính sách xã hội
Chỉ số 2.1.6	Tỷ lệ % số hộ có chủ hộ là DTTS cung cấp gỗ cho các DN tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ (trong nước và xuất khẩu) (trên tổng số hộ DTTS trên địa phương) * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Xem xét mức độ tham gia của các nhóm DTTS vào các chuỗi cung ứng và thị trường chế biến gỗ	Chỉ tiêu này là kết quả của việc cộng hai chỉ tiêu sau: - "Chỉ tiêu 1.1.4 - Hộ DTTS/Cộng đồng DTTS được giao rừng sản xuất trên tổng số hộ được giao rừng sản xuất" và - "Chỉ tiêu 1.1.5 - Số hộ DTTS trồng	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Chi cục kiểm lâm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
				rừng sản xuất" (vì giá định tất cả hộ trồng rừng/được giao rừng sản xuất đều cung cấp gỗ cho sản xuất /DN tham gia chuỗi cung ứng gỗ)	
Chỉ số 2.1.7	<p>Quản lý rừng bền vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững của hộ DTTS/cộng đồng DTTS - Tỷ lệ % so với tổng diện tích rừng trồng 	<p>Theo dõi sự thay đổi về gỗ rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS trước và sau Hiệp định VPA/FLEGT</p>	<p>Chỉ tiêu 0701 "Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững" - Báo cáo hành chính (hiện chưa phân tách nhóm DTTS)</p>	<p>Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh</p>	<p>Chi cục kiểm lâm tỉnh</p>
Chỉ số 2.1.8	<p>Rừng trồng gỗ lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng rừng theo hướng gỗ lớn của hộ DTTS/cộng đồng DTTS - Tỷ lệ % so với tổng diện tích rừng trồng 	<p>Theo dõi sự thay đổi về gỗ rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS trước và sau Hiệp định VPA/FLEGT</p>	<p>Chỉ tiêu 0404 "Tỷ lệ diện tích rừng trồng gỗ lớn so với diện tích rừng trồng sản xuất" Điều tra đánh giá ngành lâm nghiệp; Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp (hiện chưa phân tách nhóm DTTS)</p>	<p>Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh</p>	<p>Chi cục kiểm lâm tỉnh</p>

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
2.2. Việc làm và điều kiện lao động					
Chỉ số 2.2.1	<p>Thu nhập từ lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có hoạt động ngành nghề lâm nghiệp hoặc chế biến sản phẩm lâm nghiệp (%) - Phần trăm thu nhập mà hộ DTTS nhận được từ hoạt động này trong tổng thu nhập của hộ (tỷ lệ trung bình trên địa bàn)? - Thu nhập trung bình 1 năm mà hộ DTTS nhận được từ hoạt động này? <p>* Chia nhóm chủ hộ là nữ * So sánh mức bình quân cả nước, và mức bình quân hộ không phải DTTS</p>	Đánh giá thu nhập của các nhóm DTTS từ hoạt động ngành lâm nghiệp hoặc chế biến sản phẩm lâm nghiệp.	VHLSS (4c1_Mục 04_1B)	VHLSS (4c1_Mục 04_1B)	Tổng cục thống kê
Chỉ số 2.2.2	Tỷ lệ hộ DTTS có thành viên trong hộ có làm công việc trong ngành lâm nghiệp?	Đánh giá về việc làm từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của các nhóm DTTS	Khảo sát 54 dân tộc (câu 45)	Khảo sát 54 dân tộc (câu 45)	Tổng cục thống kê

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 2.2.3	<p>Việc làm trong ngành lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ gia đình có chủ hộ là người DTTS làm việc trong ngành lâm nghiệp có ký hợp đồng lao động trên tổng số hộ có chủ hộ làm việc trong ngành lâm nghiệp có ký hợp đồng lao động - Tiền lương, tiền công trung bình (kể cả trị giá hiện vật) từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của nhóm DTTS <p>* Chia nhóm chủ hộ là nữ * So sánh mức bình quân cả nước, và mức bình quân hộ không phải DTTS</p>	Đánh giá về việc làm và tiền lương, tiền công từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của các nhóm DTTS	VHLSS (4a_mục 7)	VHLSS (4a_mục 7)	Tổng cục thống kê
Chỉ số 2.2.4	<p>Tỷ lệ lao động là DTTS làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo trên tổng lao động DTTS làm việc trong lâm nghiệp</p> <p>* Chia nhóm nữ</p>	Đánh giá số lượng và chất lượng các chương trình đào tạo nghề liên quan đến lâm nghiệp và chế biến gỗ dành cho các nhóm DTTS	Chỉ tiêu 1101 "Tỷ lệ lao động làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo" - Điều tra đánh giá ngành lâm nghiệp, Báo cáo hành chính (hiện chia phân tách nhóm DTTS)		Sở NN&PTNT

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 2.2.5	Số lượng, tỷ lệ % lao động của hộ DTTS làm việc trong ngành công nghiệp gỗ được đóng các loại bảo hiểm theo luật định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn) * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá tỷ lệ và số lượng người lao động từ các nhóm DTTS làm việc trong ngành công nghiệp chế biến gỗ (lao động chính thức, được đóng bảo hiểm)	Số liệu đóng bảo hiểm của DN lâm nghiệp	Dữ liệu kê của Bảo hiểm tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
Chỉ số 2.2.6	Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ tại địa phương	Theo dõi khả năng duy trì và phát triển việc làm trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ trong dài hạn.	Số liệu đăng ký kinh doanh	Báo cáo số liệu ĐKKD của Sở KHĐT (Doanh nghiệp) và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (hộ kinh doanh/HTX)	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
3. Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực					
3.1. Sự tham gia					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 3.1.1	Tỉ lệ % doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX có chủ sở hữu/giám đốc là người DTTS hoạt động trong ngành lâm nghiệp chế biến gỗ so với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành này. <i>*Chia nhóm DN do nữ DTTS làm chủ</i>	Đánh giá tỷ lệ/cơ cấu tham gia của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	Số liệu đăng ký kinh doanh	Báo cáo số liệu ĐKKD của Sở KHĐT (Doanh nghiệp) và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (hộ kinh doanh/HTX)	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
Chỉ số 3.1.2	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh có chủ sở hữu là người DTTS tham gia trong chuỗi cung ứng gỗ xuất khẩu; tỉ lệ % so với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong chuỗi cung ứng gỗ này	Đánh giá tỷ lệ/cơ cấu tham gia của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	Số liệu đăng ký kinh doanh	Báo cáo số liệu ĐKKD của Sở KHĐT (Doanh nghiệp) và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (hộ kinh doanh/HTX)	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
Chỉ số 3.1.3	Phản hồi từ cộng đồng: Hiện địa phương có cơ chế thu thập và xử lý/phản hồi ý kiến của cộng đồng DTTS hay không? <i>*Theo mốc thời gian thực hiện theo</i>	Thu thập và đánh giá phản hồi của các nhóm DTTS về ảnh hưởng của Hiệp định VPA/FLEGT đối	Thể hiện qua việc thu thập thông tin, ý kiến của nhóm DTTS (tỷ lệ trả lời phiếu)	Số liệu từ khảo sát	UBND tỉnh, huyện

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	dõi & đánh giá	với quyền và thực hiện quyền của họ.			
3.2. Tính đại diện					
Chỉ số 3.2.1 (sử dụng Chỉ số 1.2.2)	Tỷ lệ % người DTTS trong tổng số nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp	Xem xét tỷ lệ và mức độ đại diện của các nhóm DTTS trong các cơ quan ra quyết định liên quan đến quản lý tài nguyên rừng và tổ chức lâm nghiệp	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp - Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm tỉnh	Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
3.3. Vai trò lãnh đạo					
Chỉ số 3.3.1	Số lượng/ Tỷ lệ người % DTTS tham gia, nắm chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp <i>* Chia nhóm nữ</i>	Đánh giá số lượng và tỷ lệ lãnh đạo từ các nhóm DTTS trong các cơ quan ra quyết định liên quan đến quản lý tài nguyên rừng và tổ chức lâm nghiệp	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp - Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm tỉnh	Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
4. Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ					
Nhóm chỉ số này yêu cầu khảo sát đánh giá về kiến thức, hiểu biết, khả năng áp dụng kiến thức và nhận thức về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của nhóm DTTS. Khảo sát cần được thực hiện theo phương pháp lấy mẫu phù hợp. Sử dụng dữ liệu và phát hiện của khảo sát này và trên cơ sở đó có các hoạt động đào tạo/tăng cường năng lực là quan trọng để tạo ra tác động của Hiệp định VPA/FLEGT.					
4.1. Kiến thức/thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS					
Chỉ số 4.1.1	Số lần thực hiện chương trình/lớp/hội thảo/hội nghị phổ biến Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS); Thông tư về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, và các văn bản liên quan khác Tỷ lệ % người DTTS tiếp cận với các chương trình phổ biến này * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá mức độ truyền thông/phổ biến kiến thức về Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS); Thông tư về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, và các văn bản liên quan khác	Báo cáo thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT thường niên	Báo cáo thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT thường niên	Bộ NN&PTNT

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 4.1.2	Kiến thức về VPA/FLEGT - Tỷ lệ % hộ DTTS biết về hiệp định VPA/FLEGT, Nghị định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; Thông tư về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, và các văn bản liên quan khác <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết của các nhóm DTTS về các nguyên tắc, mục tiêu, và lợi ích của Hiệp định VPA/FLEGT.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
Chỉ số 4.1.3	Kiến thức về VNTLAS - Tỷ lệ % hộ DTTS biết về VNTLAS <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết về VNTLAS, bao gồm quy trình, yêu cầu và chức năng.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
Chỉ số 4.1.4	Sự tiếp cận thông tin - Tỷ lệ % hộ dân có được thông tin về VPA/FLEGT, VNTLAS, và các văn bản pháp luật liên quan qua các cách khác nhau <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Xem xét cách mà các nhóm DTTS tiếp cận thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS (qua các tài liệu, hội thảo, đào tạo, v.v.).	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 4.1.5	<p>Chất lượng thông tin nhận được</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ % hộ DTTS biết đầy đủ về yêu cầu gỗ hợp pháp đối với hộ trồng rừng * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS 	<p>Đánh giá chất lượng và độ chính xác của thông tin mà các nhóm DTTS nhận được về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS.</p>	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
4.2. Áp dụng trong thực tế					
Chỉ số 4.2.1	<p>Ứng dụng các quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ % hộ DTTS thực hiện các tiêu chí/yêu cầu về gỗ hợp pháp khi bán gỗ - Tỷ lệ % số chỉ tiêu/yêu cầu về gỗ hợp pháp mà hộ DTTS đã thực hiện khi bán gỗ - Tỷ lệ % hộ trồng rừng DTTS tự làm, nhờ người khác làm thủ tục giấy tờ pháp lý khi bán gỗ * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS 	<p>Đánh giá khả năng của các nhóm DTTS trong việc áp dụng các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS vào thực tiễn quản lý và khai thác tài nguyên rừng.</p>	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 4.2.2	Thực hành đúng quy trình - Tỷ lệ % DN/hộ KDCT có chủ là người DTTS có vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp trong năm (trên tổng DN/hộ KDCT có vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp)	Theo dõi việc thực hành đúng quy trình và yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS trong các hoạt động lâm nghiệp của cộng đồng.	Hiện có các nguồn sau: - Chỉ tiêu 1505 "Tỷ lệ giảm các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp" - Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp (hiện chưa chia nhóm DTTS) - Dữ liệu thống kê của Cục Kiểm lâm	Dữ liệu kê của Cục Kiểm lâm	Cục Kiểm lâm
Chỉ số 4.2.3	Hỗ trợ và tư vấn - Tỷ lệ % hộ DTTS nhận được đầy đủ, thông tin hướng dẫn từ cơ quan nhà nước * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Xem xét mức độ hỗ trợ và tư vấn mà các nhóm DTTS nhận được để giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
4.3. Nhận thức và đánh giá					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 4.3.1	Nhận thức về vai trò và lợi ích của Hiệp định VPA/FLEGT Tỷ lệ % hộ DTTS đánh giá về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS, bao gồm: - Tỷ lệ % hộ DTTS có tăng thu nhập và cho rằng thu nhập tăng do tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS - Tỷ lệ % hộ DTTS tăng cơ hội kinh tế/hợp tác và cho rằng có sự tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS	Đánh giá mức độ hiểu biết về vai trò của Hiệp định VPA/FLEGT trong việc thúc đẩy quản lý bền vững và chống khai thác gỗ bất hợp pháp.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
Chỉ số 4.3.2	Đánh giá các chương trình đào tạo - Tỷ lệ % hộ DTTS phản hồi tốt/hiệu quả đối với các lớp/khóa/hội thảo chia sẻ thông tin, kiến thức về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS	Xem xét sự hiệu quả của các chương trình đào tạo và các hoạt động nâng cao nhận thức về Hiệp định VPA/FLEGT và VNTLAS đối với nhóm DTTS	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá

Bảng 9. Ma trận bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Hiệp định VPA/FLEGT		1. Ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp			2. Thúc đẩy thương mại gỗ				3. Cải thiện quản trị rừng		
		1.1.1. Quy định pháp luật liên quan	1.1.2. Tăng cường tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần thiết	1.1.3. Tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan	2.1.1. Quy định về gỗ khai thác (quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quản lý và bảo vệ rừng và các quy định về khai thác)	2.2.1. Sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, chế biến và xuất, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ	2.2.2. Phát triển rừng gỗ lớn, rừng trồng có giá trị gia tăng	2.3.1. Phát triển DN, hộ kinh doanh, HTX	2.3.2. Cơ hội kinh tế, việc làm	3.1.1. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	3.1.2. Quản lý và bảo vệ rừng
Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng	Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng	Chỉ số 1.1.1			Chỉ số 1.1.3, 1.1.4, 1.1.5	Chỉ số 1.1.2	Chỉ số 1.1.5		Chỉ số 1.1.5		
	Quyền và sự tham gia trong quản lý và bảo vệ rừng			Chỉ số 1.2.2	Chỉ số 1.2.1						Chỉ số 1.2.1
Cơ hội kinh tế và việc làm	Cơ hội kinh tế					Chỉ số 2.1.1	Chỉ số 2.1.7, 2.1.8	Chỉ số 2.1.5, 2.1.6,	Chỉ số 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4	Chỉ số 2.1.7	

trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ								2.2.6			
	Việc làm và điều kiện lao động	Chỉ số 2.2.5				Chỉ số 2.2.1, 2.2.6		Chỉ số 2.2.1, 2.2.6	Chỉ số 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5, 2.2.6		
Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực	Sự tham gia			Chỉ số 3.1.3		Chỉ số 3.1.1, 3.1.2		Chỉ số 3.1.1, 3.1.2			
	Tính đại diện		Chỉ số 3.2.1 (sử dụng Chỉ số 1.2.2)	Chỉ số 3.2.1 (sử dụng Chỉ số 1.2.2)							
	Vai trò lãnh đạo		Chỉ số 3.3.1	Chỉ số 3.3.1							
Kiến thức về VPA/VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ	Kiến thức/thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS	Chỉ số 4.1.1	Chỉ số 4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.1.5		Chỉ số 4.1.2, 4.1.3						Chỉ số 4.1.5
	Áp dụng trong thực tế			Chỉ số 4.2.3	Chỉ số 4.2.1, 4.2.2	Chỉ số 4.2.1					
	Nhận thức và đánh giá		Chỉ số 4.3.2						Chỉ số 4.3.1		

5. Những phát hiện, vấn đề và xu hướng chính

5.1. Phát triển rừng bền vững

Các cộng đồng DTTS có thể gặp khó khăn trong việc chuyển đổi từ các phương thức khai thác tài nguyên rừng truyền thống sang các phương thức khai thác bền vững hơn, phù hợp với yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT. Điều này đòi hỏi họ phải có kiến thức, kỹ năng và tài chính để áp dụng các phương thức khai thác mới, như việc áp dụng chứng nhận bền vững như FSC (Forest Stewardship Council) hoặc các hệ thống chứng nhận khác (hiện nay tỷ lệ rừng có các chứng nhận bền vững của bà con DTTS không rõ ràng/không có số liệu thống kê).

Xu hướng: Nhà nước và các tổ chức quốc tế tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để giúp cộng đồng DTTS chuyển đổi sang các phương thức khai thác bền vững, đồng thời bảo đảm sinh kế của họ.

5.2. Quyền lợi của phụ nữ và nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng DTTS

Trong nhiều cộng đồng DTTS, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương (như người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật) thường ít có quyền tiếp cận và kiểm soát tài nguyên rừng (tỷ lệ nữ chủ hộ/tỷ lệ đại diện ký hợp đồng giao rừng, khoán bảo vệ rừng là nữ). Điều này có thể khiến họ gặp khó khăn trong việc duy trì sinh kế và quyền lợi trong bối cảnh thay đổi do Hiệp định VPA/FLEGT.

Xu hướng: Các chính sách và chương trình hỗ trợ cộng đồng hiện nay đều có lưu ý về cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền lợi của nhóm yếu thế trong cộng đồng, đảm bảo rằng họ không bị bỏ lại phía sau trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, tuy nhiên việc thực hiện này chưa mạnh mẽ và rõ ràng.

5.3. Tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS

Tác động của VPA/FLEGT đối với cộng đồng DTTS có thể có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực, tùy thuộc vào cách thức thực hiện và những đặc thù của cộng đồng DTTS ở mỗi quốc gia. Bên cạnh những tác động tích cực như khuyến khích việc quản lý rừng hợp pháp và bền vững, minh bạch hóa việc sử dụng đất đai và tài nguyên rừng, phát triển nghề rừng bền vững, thúc đẩy chuỗi giá trị gỗ hợp pháp và cải thiện quản lý và bảo vệ rừng, Hiệp định VPA/FLEGT có thể có một số tác động tiêu cực tiềm ẩn như:

Khó khăn về thủ tục pháp lý: Các cộng đồng DTTS đôi khi chưa quen với các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chứng minh quyền sử dụng đất hoặc chứng nhận gỗ hợp pháp. Việc yêu cầu tuân thủ các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT có thể gây khó khăn cho họ, đặc biệt trong các khu vực hẻo lánh và chưa phát triển.

Chi phí và rào cản về kỹ thuật: Việc tuân thủ các tiêu chuẩn gỗ hợp pháp có thể đòi hỏi đầu tư vào các cơ sở hạ tầng, thiết bị và quy trình kỹ thuật mà các cộng đồng DTTS không dễ dàng tiếp cận.

Thay đổi sinh kế do các yêu cầu liên quan gỗ hợp pháp: Các yêu cầu về gỗ hợp pháp có thể gây khó khăn cho sinh kế của nhóm DTTS nếu không có sự chuyển đổi, đáp ứng yêu cầu về gỗ hợp pháp hoặc chuyển đổi kịp thời sang các phương thức sinh kế bền vững khác.

Xu hướng: Để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tối đa hóa lợi ích từ Hiệp định VPA/FLEGT, có thể thực hiện một số một số giải pháp như:

- Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến quản lý rừng và chứng nhận gỗ hợp pháp.
- Tăng cường đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho cộng đồng DTTS để họ có thể tuân thủ các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT mà không làm mất đi sinh kế truyền thống của mình.
- Tạo ra các mô hình sinh kế thay thế bền vững cho cộng đồng DTTS.

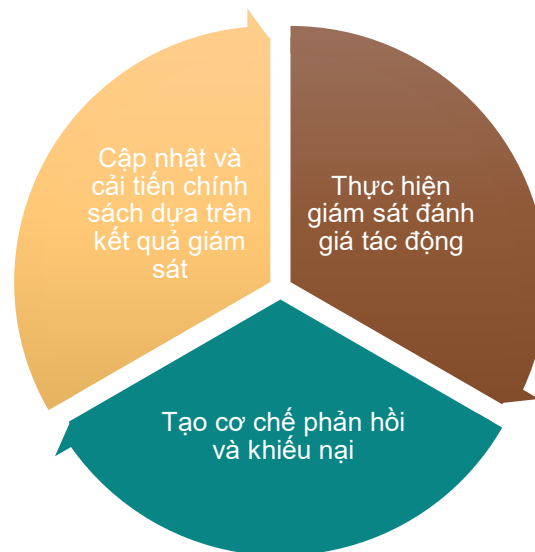
Tóm lại, Hiệp định VPA/FLEGT có thể mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng DTTS nếu được thực hiện đúng cách, nhưng cũng cần chú ý đến các thách thức và đặc thù của từng cộng đồng để có các hỗ trợ cần thiết, giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với sinh kế và đời sống của nhóm DTTS.

6. Đề xuất và khuyến nghị (ưu tiên và cơ hội cho nhóm DTTS đối với Hiệp định VPA/FLEGT)

6.1. Đề xuất về giám sát tác động và hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

6.1.1. Giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT

Giám sát quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT là một yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng các mục tiêu của Hiệp định được thực hiện đúng đắn và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các cộng đồng DTTS. Việc giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT có thể thực hiện qua các bước như sau:



Hình 5. Sơ đồ quy trình giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT

Bước 1: Đánh giá tác động định kỳ để xem xét ảnh hưởng của Hiệp định VPA/FLEGT đối với các cộng đồng DTTS, bao gồm cả tác động tích cực và tiêu cực đối với quyền sử dụng và sở hữu rừng và tài nguyên rừng, sinh kế, cơ hội việc làm, văn hóa, và môi trường sống của cộng đồng DTTS. Việc đánh giá tác động giúp phát hiện sớm các vấn đề phát sinh và đưa ra giải pháp kịp thời, tránh những ảnh hưởng tiêu cực.

Bước 2: Tạo cơ chế phản hồi và khiếu nại để cộng đồng có thể thông báo và phản hồi về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Cơ chế phản hồi và khiếu nại giúp đảm bảo rằng các vấn đề của cộng đồng được giải quyết nhanh chóng và công bằng, đồng thời cung cấp một kênh để theo dõi các vi phạm hoặc sai sót trong thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Cơ chế này phải đơn giản, dễ sử dụng, và có thể được tiếp cận bởi mọi nhóm cộng đồng.

Bước 3: Cập nhật và cải tiến chính sách dựa trên kết quả giám sát. Các phản hồi từ cộng đồng, kết quả giám sát chuỗi cung ứng gỗ và tác động của Hiệp định VPA/FLEGT cần được các cơ quan chính phủ liên quan xem xét để điều chỉnh các chiến lược/chính sách/hoạt động thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.

6.1.2. Hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động

Để đảm bảo Hiệp định VPA/FLEGT được thực hiện hiệu quả và không gây tác động tiêu cực đến cộng đồng DTTS, cần xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động cụ thể. Dưới đây là khuyến nghị về nguyên tắc xây dựng hệ thống thu thập và quản lý dữ liệu giám sát và đánh giá tác động đối với cộng đồng DTTS:

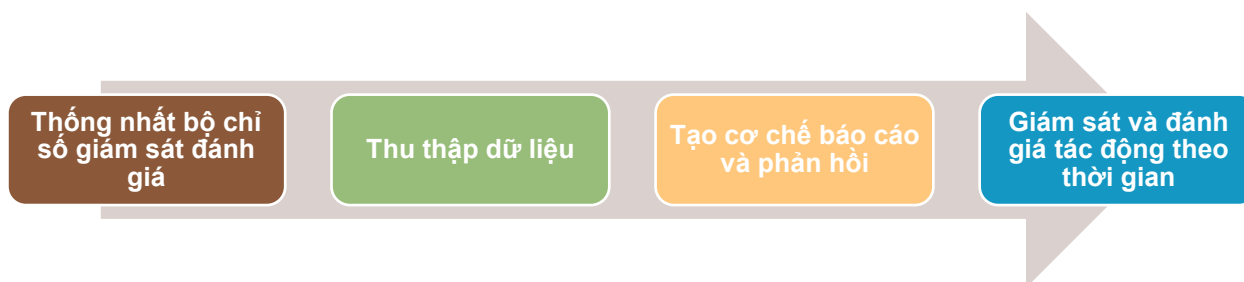
Hệ thống quản lý dữ liệu thống nhất để thu thập, xử lý và phân tích các dữ liệu giám sát từ các khu vực/địa phương khác nhau. Hệ thống này nên được tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Hệ thống này giúp cung cấp thông tin tổng hợp về tiến độ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và các tác động xã hội đến nhóm DTTS, đồng thời hỗ trợ việc đưa ra các quyết định chính sách hiệu quả.

Cơ sở dữ liệu mở và minh bạch: Cơ sở dữ liệu mở và công khai để các tổ chức xã hội, cộng đồng và các nhà nghiên cứu có thể truy cập thông tin liên quan đến việc thực

hiện Hiệp định VPA/FLEGT, giám sát tác động và đánh giá hiệu quả các chương trình. Việc này giúp các bên liên quan tham gia và đóng góp vào việc cải thiện thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và nâng cao hiệu quả tác động đến nhóm DTTS.

6.1.3. Thực hiện giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT

Việc thực hiện giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT có thể thực hiện với 4 bước như sau:



Hình 6. Sơ đồ thực hiện giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Thống nhất bộ chỉ số giám sát: Bộ chỉ số với các chỉ tiêu cần được thống nhất với các bên liên quan.

Thu thập dữ liệu từ các nguồn sẵn có và từ cộng đồng địa phương: Việc thu thập dữ liệu trực tiếp từ các cộng đồng DTTS là cần thiết để hiểu về các tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với họ. Việc khảo sát cần tiến hành định kỳ để thu thập dữ liệu từ cộng đồng.

Tạo cơ chế báo cáo và phản hồi: Cần xây dựng một cơ chế rõ ràng để cộng đồng và các bên liên quan có thể báo cáo về các vấn đề hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện VPA/FLEGT, cũng như nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng. Điều này có thể thực hiện thông qua hình thành các kênh báo cáo dễ tiếp cận, ví dụ qua các ứng dụng di động, đường dây nóng, hoặc các cuộc họp cộng đồng.

Giám sát và đánh giá tác động theo thời gian: nhằm đảm bảo rằng quá trình giám sát và đánh giá tác động diễn ra liên tục và có hệ thống, giúp phát hiện sớm các vấn đề

và đưa ra các biện pháp điều chỉnh kịp thời. Thực hiện các đánh giá tác động định kỳ (đề xuất hàng năm hoặc năm năm một lần) để thu thập dữ liệu mới và so sánh với các kết quả trước đó. Điều này giúp xác định các xu hướng và tác động dài hạn của Hiệp định VPA/FLEGT đối với cộng đồng DTTS.

Để quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT đạt được hiệu quả cao và giảm thiểu tác động tiêu cực cho cộng đồng DTTS, việc xây dựng một hệ thống thu thập dữ liệu giám sát đánh giá tác động đóng một vai trò quan trọng. Hệ thống dữ liệu giám sát cần phải minh bạch, dễ tiếp cận và có sự tham gia của cộng đồng. Đồng thời, việc giám sát chặt chẽ và thực hiện đánh giá tác động cần được thực hiện định kỳ và thống nhất từ trung ương đến địa phương.

6.2. Một số gợi ý về ưu tiên cho các nghiên cứu sâu hơn

1. Nghiên cứu về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với sinh kế và phương thức sống của cộng đồng DTTS

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với sinh kế của cộng đồng DTTS, đặc biệt là những người có thu nhập chính từ các hoạt động lâm nghiệp. Cần nghiên cứu xem xét liệu việc chuyển đổi sang các phương thức khai thác hợp pháp có tạo ra các cơ hội sinh kế bền vững cho nhóm DTTS hay không.

Phương pháp: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu tham gia, phỏng vấn sâu, và khảo sát diện rộng trong cộng đồng để hiểu rõ các ảnh hưởng đến thu nhập, việc làm và các hoạt động kinh tế truyền thống của cộng đồng DTTS.

2. Nghiên cứu về các chính sách hỗ trợ sinh kế thay thế

Mục tiêu nghiên cứu: Nhiều cộng đồng DTTS chưa quen thuộc với việc khai thác và buôn bán gỗ hợp pháp. Việc thực hiện các yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT có thể gây khó khăn cho nhóm DTTS nếu họ không thể chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế khác. Việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp sinh kế thay thế cho cộng đồng DTTS giúp họ có thể chuyển sang các hoạt động bền vững hơn, như du lịch sinh thái, nông-lâm kết hợp, chế biến gỗ hợp pháp, hoặc trồng rừng. Việc phát triển các mô hình sinh kế

thay thế sẽ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến cuộc sống của cộng đồng. Cần thực hiện đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách hỗ trợ sinh kế thay thế cho cộng đồng DTTS và nghiên cứu xem cộng đồng có thể dễ dàng và thuận lợi trong việc chuyển đổi sang các phương thức sinh kế bền vững hay không.

Phương pháp: Nghiên cứu tác động của các chương trình/mô hình sinh kế và khảo sát mức độ chấp nhận và cũng như đánh giá hiệu quả của các mô hình này trong việc cải thiện thu nhập và sinh kế cho cộng đồng DTTS.

6.3. Một số đề xuất hoạt động của các dự án và đối tác VPA/FLEGT

Trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, các vấn đề liên quan đến cộng đồng DTTS cần được giải quyết để đảm bảo rằng các quyền lợi và sinh kế của họ không bị ảnh hưởng tiêu cực, đồng thời khuyến khích sự tham gia của họ vào các hoạt động quản lý rừng bền vững. Dưới đây là đề xuất cho các hoạt động của các dự án và đối tác VPA/FLEGT.

6.3.1. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng DTTS

Nội dung:

Các cộng đồng DTTS đôi khi thiếu cơ hội cũng như thiếu năng lực tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến Hiệp định VPA/FLEGT, dẫn đến việc các quyết định có thể không phản ánh đúng nhu cầu và lợi ích của họ. Việc tham gia tích cực của cộng đồng giúp tăng cường tính hiệu quả của các chính sách và tạo ra các giải pháp hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của cộng đồng địa phương.

Phương thức triển khai:

Cần xây dựng các cơ chế tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Điều này bao gồm việc tổ chức các cuộc họp tham vấn, lắng nghe ý kiến của cộng đồng và đảm bảo rằng các chính sách quản lý rừng bền vững phù hợp với thực tế của cộng đồng.

6.3.2. Đào tạo và nâng cao năng lực cho cộng đồng DTTS

Nội dung:

- ✓ Nhiều cộng đồng DTTS chưa có đủ thông tin, kiến thức về các yêu cầu và quy trình liên quan đến chứng nhận gỗ hợp pháp và quản lý rừng bền vững. Cần đảm bảo rằng tất cả các cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng DTTS, hiểu rõ về các quy định và yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT và các văn bản pháp lý liên quan, từ việc quản lý rừng bền vững đến các tiêu chuẩn về gỗ hợp pháp.

Phương thức triển khai:

- ✓ Cần có các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để giúp cộng đồng DTTS hiểu rõ hơn về các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT và các quy định pháp luật liên quan; nâng cao nhận thức về gỗ hợp pháp và quản lý rừng bền vững. Việc cung cấp thông tin rõ ràng và dễ hiểu về các quy trình chứng nhận gỗ hợp pháp, các tiêu chuẩn môi trường và pháp lý sẽ giúp cộng đồng có thể tuân thủ và tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ hợp pháp.
- ✓ Tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo, và các cuộc họp cộng đồng để giải thích về các yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan
- ✓ Sử dụng hình ảnh minh họa, infographic và video để giải thích các khái niệm phức tạp về quản lý rừng bền vững và khai thác gỗ hợp pháp một cách dễ hiểu và sinh động và bằng các tiếng dân tộc khác nhau.

6.3.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông và vận động thay đổi hành vi

Để nâng cao hiệu quả của việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS, việc thông tin, vận động và truyền thông đóng vai trò quan trọng. Các chiến lược truyền thông và vận động có thể giúp nâng cao nhận thức, thu hút sự tham gia của cộng đồng DTTS và các bên liên quan, đồng thời hỗ trợ thay đổi hành vi trong thực hiện các cam kết của Hiệp định VPA/FLEGT. Dưới đây là các ưu tiên trong việc xây dựng chiến lược thông tin, vận động và truyền thông.

1. Thông tin và truyền thông về các quy định cũng như tác động của Hiệp định VPA/FLEGT

Nội dung thông tin và truyền thông cần phổ biến đến cộng đồng DTTS:

- ✓ Phổ biến các quy định và yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan, từ việc quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng, quản lý rừng bền vững đến các tiêu chuẩn về gỗ hợp pháp.
- ✓ Thông tin về các lợi ích mà cộng đồng DTTS có thể nhận được khi thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, ví dụ: bảo vệ quyền sử dụng đất, cải thiện sinh kế, nâng cao cơ hội kinh tế và việc làm và bảo vệ môi trường sống.
- ✓ Thông tin về quyền lợi và nghĩa vụ của các cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, bao gồm quyền sử dụng đất, bảo vệ tài nguyên rừng và các quyền lợi liên quan đến việc khai thác gỗ hợp pháp.

Phương thức triển khai:

- ✓ Tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo, và các cuộc họp cộng đồng để giải thích về các yêu cầu của Hiệp định VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan. Cung cấp tài liệu thông tin đơn giản, dễ hiểu, bao gồm các video, sách nhỏ, và áp phích có nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cộng đồng.
- ✓ Tổ chức các chiến dịch truyền thông, phát hành báo cáo, tài liệu minh họa các câu chuyện thành công từ những cộng đồng đã thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Đặc biệt, nên làm rõ sự kết nối giữa việc bảo vệ tài nguyên rừng và các lợi ích lâu dài cho cộng đồng về mặt sinh kế và môi trường.
- ✓ Phát hành và phổ biến các tài liệu minh họa, video truyền thông và bản tin để làm rõ các quyền lợi và nghĩa vụ, đặc biệt là việc bảo vệ sinh kế, quyền sở hữu tài nguyên rừng của cộng đồng.
- ✓ Thực hiện các chiến dịch truyền thông nhằm làm rõ rằng việc khai thác gỗ hợp pháp không chỉ giúp bảo vệ tài nguyên mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững.

- ✓ Tạo các tài liệu truyền thông dễ hiểu và dễ tiếp cận cho cộng đồng địa phương, bao gồm các video ngắn, áp phích, tài liệu hướng dẫn về cách thức tuân thủ các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan.

2. Xây dựng các kênh thông tin đa chiều

Nội dung:

- ✓ Tạo ra các kênh đối thoại mở giữa các bên liên quan để trao đổi thông tin về quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, đồng thời giải quyết các vấn đề và thách thức mà cộng đồng và các tổ chức đối diện. Tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và các già làng trưởng bản trong việc theo dõi và giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS.

Phương thức triển khai:

- ✓ Thiết lập các diễn đàn trực tuyến, hội nghị và các cuộc họp cộng đồng để các bên liên quan có thể thảo luận, chia sẻ ý kiến và đề xuất giải pháp. Các nền tảng này cần phải dễ tiếp cận và bảo đảm tính minh bạch trong việc xử lý thông tin.
- ✓ Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các tổ chức xã hội để họ có thể tham gia vào các hoạt động giám sát, vận động chính sách, và phản hồi tác động của Hiệp định VPA/FLEGT tới cộng đồng địa phương.
- ✓ Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại, đặc biệt là các ứng dụng di động, mạng xã hội và các nền tảng kỹ thuật số để tăng cường sự tham gia và thu thập dữ liệu giám sát tác động. Các nền tảng này vừa nhằm cung cấp thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT và giám sát các hoạt động khai thác gỗ hợp pháp, cũng như tạo kênh để cộng đồng có thể phản hồi và báo cáo về các vấn đề trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.

3. Vận động thay đổi hành vi trong cộng đồng và các đối tượng liên quan

Nội dung:

- ✓ Khuyến khích/vận động cộng đồng DTTS và các doanh nghiệp của người DTTS tham gia khai thác, chế biến, buôn bán gỗ tuân thủ các tiêu chuẩn hợp pháp và bền vững được yêu cầu trong Hiệp định VPA/FLEGT và các quy định pháp lý liên quan.
- ✓ Thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ và các cộng đồng DTTS trong việc thực thi các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT.
- ✓ Tạo ra một môi trường khuyến khích cộng đồng tham gia giám sát quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và phản hồi về các vấn đề phát sinh.

Phương thức triển khai:

- ✓ Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, chia sẻ câu chuyện thành công từ những cộng đồng hoặc doanh nghiệp tuân thủ các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT. Các chiến dịch này cần nhấn mạnh lợi ích lâu dài của việc khai thác gỗ hợp pháp, bảo vệ tài nguyên rừng và duy trì môi trường sống cho thế hệ tương lai.
- ✓ Tạo ra các liên minh và mạng lưới để các bên liên quan có thể trao đổi thông tin, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm về quản lý rừng bền vững và khai thác gỗ hợp pháp. Tổ chức các buổi đối thoại chính sách để thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan vào các quyết định liên quan đến thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.
- ✓ Xây dựng các công cụ phản hồi và giám sát, chẳng hạn như ứng dụng điện thoại di động, trang web hoặc đường dây nóng để cộng đồng có thể báo cáo về các vi phạm, hoặc theo dõi tiến độ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.

7. Kết luận

Về giám sát tác động và hệ thống thu thập dữ liệu giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Giám sát quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT là một yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng các mục tiêu của Hiệp định được thực hiện đúng đắn và không gây ảnh

hưởng tiêu cực đến các cộng đồng DTTS. Để quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT đạt được hiệu quả cao và giảm thiểu tác động tiêu cực cho cộng đồng DTTS, việc xây dựng một hệ thống thu thập dữ liệu giám sát đánh giá tác động là rất quan trọng. Hệ thống dữ liệu giám sát cần phải minh bạch, dễ tiếp cận và có sự tham gia của cộng đồng. Đồng thời, việc giám sát chặt chẽ và thực hiện đánh giá tác động cần được thực hiện định kỳ và thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Về bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS

Từ các số liệu cũng như tham vấn ý kiến chuyên gia, các kết quả phát triển kinh tế xã hội của nhóm dân tộc thiểu số (như quyền sở hữu/sử dụng tài nguyên rừng cũng như các cơ hội kinh tế, việc làm, tăng thu nhập) là kết quả của tác động tổng hợp của nhiều chính sách phát triển, không chỉ từ tác động của Hiệp định VPA/FLEGT. Có thể đánh giá rằng Hiệp định VPA/FLEGT có tác động gián tiếp đến nhóm DTTS, rất khó có thể đánh giá tác động trực tiếp của VPA/FLEGT đến nhóm DTTS.

Đồng thời, với thực tế phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng DTTS cũng như tác động của Hiệp định VPA/FLEGT tại Việt Nam, bốn tác động theo Ma trận IMIM² khá toàn diện và đầy đủ. Tuy nhiên, theo sự phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam, bốn tác động này cần có sự nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp bối cảnh thực tế tại Việt Nam (ví dụ như Hiệp định VPA/FLEGT góp phần thay đổi dịch chuyển lao động, các tác động về quyền sử dụng/sở hữu tài nguyên rừng cần xem xét lại vì khó có thể đánh giá tác động trực tiếp).

Khung GSDG Hiệp định VPA/FLEGT đưa ra 6 lĩnh vực tác động về xã hội, môi trường, kinh tế, thực thi pháp luật và quản trị. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào giám sát đánh giá tác động xã hội của Hiệp định VPA/FLEGT đối với cộng đồng DTTS. Khung GSDG

² (i) Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng, (ii) Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ, (iii) Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực, (iv) Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng.

Hiệp định VPA/FLEGT cũng đưa ra các chỉ số giám sát đánh giá, tuy nhiên, các chỉ số còn chung chung, mang tính định hướng mà chưa đủ và chưa cụ thể để có thể áp dụng. Vì vậy, các chỉ số của Khung GSDG cần phải được chi tiết hóa thành các chỉ số cụ thể. Nghiên cứu đề xuất sử dụng bộ chỉ số GSDG tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến DTTS gồm 35 chỉ số cụ thể được phát triển từ bốn chủ đề chính trong Ma trận IMIM.

Về nguồn dữ liệu

Từ tổng quan về dữ liệu thứ cấp có sẵn liên quan đến nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp, có thể thấy rằng:

- ✓ Các cơ sở dữ liệu cấp quốc gia để phản ánh các DTTS trong ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Khung GSDG có thể được tận dụng một phần từ các cuộc khảo sát cấp quốc gia thường xuyên của Tổng cục thống kê bao gồm: Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS), Điều tra thực trạng kinh tế xã hội của DTTS Việt Nam (EM).
- ✓ Ngoài hai cuộc điều tra trên, dữ liệu cấp quốc gia phản ánh ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Ma trận IMIM có thể được thu thập từ Điều tra lâm nghiệp (Tổng cục thống kê) và Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tuy nhiên, với đối tượng mục tiêu là nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp, thì các kết quả được công bố chỉ đề cập đến dữ liệu tổng hợp về ngành lâm nghiệp, không bóc tách nhóm DTTS, đồng thời, các dữ liệu này chưa được công bố trực tuyến.
- ✓ Theo kết quả tham vấn các chuyên gia, phần lớn dữ liệu phản ánh các DTTS trong ngành lâm nghiệp liên quan đến bốn chủ đề chính trong Khung GSDG có thể thu thập từ số liệu tổng hợp của các cơ quan cấp địa phương như Sở/Phòng Kế hoạch và Đầu tư (số liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã của người DTTS), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh, huyện (số liệu liên quan đến lâm nghiệp, rừng và tài nguyên rừng), Sở Lao

động, Thương Binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm cấp tỉnh (số liệu về nhân sự, lao động).

Về phương pháp thu thập dữ liệu

Về các số liệu có sẵn:

Việc thu thập số liệu được tiến hành trên phạm vi toàn quốc. Với đối tượng mục tiêu là nhóm DTTS ngành lâm nghiệp, có thể thực hiện thu thập và điều tra số liệu trên những xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/6/2021, có 3.434 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: 1.673 xã khu vực I, 210 xã khu vực II và 1.551 xã khu vực III). Theo chế độ báo cáo thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/10/2021 (thực hiện theo Thông tư số 06/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc ngày 30/12/2022 quy định về chế độ báo cáo công tác dân tộc), chỉ có số liệu cho các xã khu vực II và khu vực III, không có số liệu các xã khu vực I. Trên thực tế, số liệu về hộ dân tộc thiểu số có liên quan đến lâm nghiệp chủ yếu nằm ở khu vực II và Khu vực III. Tư vấn khuyến nghị thực hiện đánh giá dựa trên số liệu các xã khu vực II và khu vực III (theo danh sách quy định tại Quyết định 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/6/2021).

Về các số liệu định tính, không có sẵn: Có thể tiến hành điều tra lấy mẫu, không nhất thiết phải điều tra toàn bộ. Tuy nhiên, việc lấy mẫu cần phải nghiên cứu tính toán kỹ lưỡng tùy thuộc tình hình thực tế tại thời điểm tiến hành đánh giá.

Tóm lại, Hiệp định VPA/FLEGT có ảnh hưởng tích cực đến nhóm DTTS, đặc biệt là trong việc giúp họ bảo vệ quyền sử dụng tài nguyên rừng, phát triển kinh tế bền vững và tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm gỗ hợp pháp. Tuy nhiên, để đạt được những lợi ích này, cần phải có các chính sách hỗ trợ mạnh mẽ từ phía Nhà nước, cũng như sự đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho các cộng đồng DTTS, nhằm giúp họ thích ứng với các yêu cầu pháp lý và quản lý rừng bền vững. Việc xây dựng và triển khai bộ chỉ số giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với cộng đồng DTTS tại Việt

Nam là một bước quan trọng để đảm bảo rằng Hiệp định này không chỉ thúc đẩy thương mại gỗ hợp pháp mà còn bảo vệ quyền lợi, sinh kế và quyền sử dụng tài nguyên rừng của các cộng đồng này, đặc biệt khi họ là những nhóm dân cư chủ yếu sống ở vùng sâu, vùng xa, phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng. Bộ chỉ số này cần phải được thiết kế phù hợp với thực tiễn của Việt Nam cũng như thực trạng dữ liệu hiện có.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. Điều khoản tham chiếu

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU **DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ HIỆP ĐỊNH VPA/FLEGT - PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VÀ** **TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG**

1. Bối cảnh

Gỗ và các sản phẩm từ gỗ là mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam có doanh thu liên tục gia tăng trong vài thập kỷ gần đây, giúp Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gỗ lớn thứ 2 châu Á và thứ 5 thế giới. Việt Nam hiện có hơn 5.000 doanh nghiệp lớn nhỏ tham gia vào chế biến và sản xuất đồ gỗ và các sản phẩm gỗ khác, tạo ra hơn 500.000 việc làm cố định trong khi đó hàng triệu lao động khác sống ở các khu vực miền núi cũng đang tham gia vào hoạt động trồng rừng. Sự phát triển của ngành gỗ góp phần ổn định an sinh xã hội và phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.

Liên minh Châu Âu (EU) là một trong 5 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam. Vào ngày 20 tháng 10 năm 2010, Hội đồng và Nghị viện Châu Âu ban hành Quy chế số 995/2010 quy định nghĩa vụ của người nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU (viết tắt là EUTR 995). Theo đó, từ tháng 3 năm 2013, các nhà nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU phải thực hiện trách nhiệm giải trình để chứng minh tính hợp pháp của sản phẩm gỗ với các cơ quan có thẩm quyền của EU trước khi làm thủ tục thông quan vào cảng đầu tiên ở EU. Chỉ có 2 trường hợp ngoại lệ là gỗ với giấy phép CITES và gỗ có giấy phép FLEGT từ quốc gia đã đàm phán và ký Hiệp định Đối tác tự nguyện (VPA) với Liên minh Châu Âu.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam và Liên minh Châu Âu đã chính thức bắt đầu đàm phán Hiệp định VPA/FLEGT vào tháng 11 năm 2011 và kết thúc đàm phán vào ngày 11 tháng 5 năm 2017. Ngày 19 tháng 10 năm 2018, hai bên đã ký thỏa thuận chính thức có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2019. Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam và Liên minh

Châu Âu là thỏa thuận thương mại có tính ràng buộc hợp pháp hướng tới cải thiện quản trị lâm nghiệp và xúc tiến việc xuất khẩu gỗ hợp pháp và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường EU.

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) đã cam kết chống lại việc khai thác gỗ, mua bán gỗ trái phép và thúc đẩy việc quản trị lâm nghiệp trong nhiều năm. Cam kết này gần đây đã được đề cập lại trong Kế hoạch hành động về lâm nghiệp của BMZ (2017). Với cam kết đó, BMZ đã ủy nhiệm cho GIZ phối hợp cùng với Cục Kiểm lâm thực hiện Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”.

Mục tiêu chung của dự án là chuẩn bị những điều kiện pháp lý và tổ chức cần thiết để thực thi Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU. Dự án được thiết kế để đạt được ba kết quả đầu ra:

Kết quả đầu ra 1: Cải thiện các quy định pháp lý và cơ cấu tổ chức cho việc thực thi Hiệp định VPA/FLEGT.

Kết quả đầu ra 2: Được sự đồng ý của EU và Việt Nam theo Hiệp định VPA/FLEGT, các yếu tố của VNTLAS đi vào hoạt động.

Kết quả đầu ra 3: Hỗ trợ thực hiện giám sát tác động theo khung đánh giá giám sát đánh giá và kế hoạch hành động thực hiện Hiệp định VPA FLEGT.

Điều 16 của Hiệp định VPA/FLEGT quy định rằng các bên phải đánh giá tác động xã hội và kinh tế lên các nhóm đối tượng gồm dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương, hộ gia đình và ngành gỗ. Ngoài ra, sau đó Phụ lục IX quy định về việc tác động lên môi trường của việc thực thi Hiệp định VPA/FLEGT.

Để đáp ứng được các yêu cầu, Ủy ban thực thi chung (JIC) đã thông qua Khung giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT và Ma trận chỉ số giám sát tác động (IMIM) với những lĩnh vực ảnh hưởng như sau:

- Tác động về xã hội
- Tác động về môi trường
- Tác động về kinh tế - khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu
- Tác động về kinh tế - quan hệ đối tác và đầu tư vào chuỗi cung ứng gỗ

- động về quản trị - thực thi pháp luật
- Tác động về quản trị - hợp tác khu vực và quốc tế

Trong Bảng IMIM, phụ nữ và dân tộc thiểu số tham gia vào chuỗi giá trị gỗ đã được xác định là các nhóm chủ thể quan trọng. Giám sát tác động của VPA/FLEGT đối với họ và sinh kế của họ có tầm quan trọng đặc biệt. Do đó, chỉ số 1B trong Bảng IMIM tập trung vào hai nhóm chủ thể này. Hiện nay đã có dữ liệu đo lường tác động của VPA/FLEGT lên nhóm đối tượng là phụ nữ tuy nhiên dữ liệu này đối với nhóm dân tộc thiểu số còn thiếu và rời rạc. Ở cấp quốc gia, hầu như không có dữ liệu chung về dân tộc thiểu số ở Việt Nam, đặc biệt là dữ liệu về dân tộc thiểu số trong ngành lâm nghiệp hoặc ngành gỗ. Tình trạng dữ liệu cấp địa phương không rõ ràng, tuy nhiên có thể cho rằng các cơ quan cấp địa phương có nhiều bộ dữ liệu khác nhau về dân tộc thiểu số, nhưng không nhất thiết liên quan đến ngành lâm nghiệp hoặc ngành gỗ. Mặc dù đã có một số nghiên cứu trường hợp chuyên sâu về dân tộc thiểu số do các chủ thể ngoài nhà nước thực hiện, nhưng cho đến nay chưa có khảo sát toàn quốc nào được thực hiện. Trong khuôn khổ dự án nêu trên, GIZ đang hỗ trợ Cục Kiểm lâm thực hiện nghiên cứu nhằm hiểu rõ hơn về tình trạng và tác động của VPA/FLEGT đối với dân tộc thiểu số.

2. Mục tiêu

Mục tiêu của nhiệm vụ tư vấn này bao gồm:

- Tìm hiểu rõ hơn về hiện trạng dữ liệu về dân tộc thiểu số liên quan đến các yêu cầu giám sát tác động của VPA/FLEGT;
- Đề xuất các biện pháp ở cấp quốc gia và cấp địa phương để hiểu rõ hơn về tác động của VPA/FLEGT đối với dân tộc thiểu số;
- Hướng dẫn quá trình giám sát tác động của VPA/FLEGT bằng cách đưa ra bài học kinh nghiệm và khuyến nghị về a) hiện trạng dữ liệu về dân tộc thiểu số liên quan đến giám sát tác động của VPA/FLEGT và b) tác động của VPA/FLEGT đối với dân tộc thiểu số.

3. Phạm vi công việc và phương pháp luận

a) Hiện trạng dữ liệu

Để hiểu rõ hơn về hiện trạng dữ liệu về dân tộc thiểu số liên quan đến VPA/FLEGT, tư vấn sẽ rà soát:

- Dữ liệu chính phủ hiện có và số liệu thống kê cấp quốc gia (ví dụ như Khảo sát mức sống hộ gia đình (VHLSS), Khảo sát doanh nghiệp (ES), Điều tra dân tộc thiểu số (EMS), các nguồn dữ liệu từ Ủy ban dân tộc và các nguồn khác).
- Thông tin và dữ liệu hiện có được các chủ thể ngoài nhà nước và các tổ chức quốc tế thu thập và phân tích.

Các nguồn dữ liệu cần phải được kiểm tra theo các chủ đề chung dưới đây như đã được xác định trong Khung giám sát và đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT:

- Quyền và thực tiễn sử dụng và quyền sử dụng tài nguyên rừng.
- Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và các ngành trong ngành lâm nghiệp.
- Sự tham gia, đại diện và lãnh đạo trong các tổ chức trong ngành lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực.
- Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết về sinh kế/cộng đồng.

Khung phân tích dưới đây có thể hướng dẫn phân tích các chủ đề trên:

Nội dung chuyên đề Các khía cạnh dân tộc thiểu số liên quan đến...	Nội dung phân tích			
	Khung pháp lý	Các chỉ số và dữ liệu thống kê	Những phát hiện, vấn đề và xu hướng chính	Ưu tiên và cơ hội của người dân tộc thiểu số trong thực hiện VPA/FLEGT
Chủ đề a: Quyền và thực tiễn sử dụng và quyền sử dụng tài nguyên rừng	<ul style="list-style-type: none"> ● Khung pháp lý của quốc gia quy định như thế nào về đồng bào dân tộc thiểu số trong lĩnh vực chuyên đề này? 	<ul style="list-style-type: none"> ● Có thể sử dụng những chỉ số thích hợp nào để phân tích các khía cạnh dân tộc thiểu số trong lĩnh vực chuyên đề 	<ul style="list-style-type: none"> ● Những phát hiện chính và các vấn đề và xu hướng quan trọng trong lĩnh vực chuyên đề này là gì? ● Đây có thể là những vấn đề 	<p><i>Chẳng hạn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ● Các vấn đề dân tộc thiểu số cần giải quyết trong đàm phán hoặc thực hiện VPA ● Các khuyến nghị về giám sát
Chủ đề b:				

<p>Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và các ngành trong ngành lâm nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quyền dân tộc thiểu số được quy định như thế nào trong pháp luật? • Những chính sách, chiến lược và quy định nào được đưa ra để thực hiện những quan điểm này? • Các quy định pháp luật này được phản ánh và lồng ghép như thế nào và ở mức độ nào trong VPA-FLEGT (ví dụ: trong định nghĩa hợp pháp gỗ và hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp) 	<p>này?</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dữ liệu thống kê nào có sẵn để đo lường các chỉ số này? • Dữ liệu cho chúng ta biết gì về bối cảnh quốc gia và ngành? 	<p>dân tộc thiểu số rộng lớn trong xã hội và nền kinh tế được phản ánh trong lâm nghiệp, các vấn đề cụ thể liên quan đến ngành lâm nghiệp hoặc các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng và thực hiện luật pháp và chính sách</p> <ul style="list-style-type: none"> • Những sáng kiến nào đang được tiến hành để giải quyết những vấn đề như vậy và hiệu quả của chúng như thế nào? • Những lỗ hổng chính của thông tin và kiến thức là gì? 	<p>quy trình VPA, các biện pháp bảo vệ xã hội và giám sát tác động</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ưu tiên cho các hệ thống nghiên cứu và thu thập dữ liệu sẽ được xây dựng • Gợi ý các hoạt động của các dự án FLEGT và các đối tác • Ưu tiên thông tin, vận động và truyền thông thay đổi hành vi
<p>Chủ đề c: Sự tham gia, đại diện và lãnh đạo trong các tổ chức trong ngành lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực</p>				

Dựa trên dữ liệu được rà soát và thu thập, tư vấn sẽ đưa ra tổng quan về các nguồn dữ liệu và xác định khoảng trống dữ liệu hiện có về dân tộc thiểu số liên quan đến VPA/FLEGT.

Tư vấn sẽ tận dụng mối quan hệ của mình với các cơ quan chính phủ để thu thập dữ liệu. Cục Kiểm lâm sẽ hỗ trợ nếu cần thiết.

b) Đề xuất các biện pháp

Dựa trên dữ liệu có thể thu thập và phân tích khoảng trống dữ liệu, tư vấn sẽ xây dựng bảng hỏi và phỏng vấn các chuyên gia về dân tộc thiểu số và lâm nghiệp/VPA FLEGT để thu thập thêm thông tin và có thể thu hẹp phần nào khoảng trống về dữ liệu.

Với tất cả thông tin được tổng hợp, tư vấn sẽ đề xuất các biện pháp ở cấp quốc gia và cấp địa phương để hiểu rõ hơn về tác động của VPA/FLEGT đối với dân tộc thiểu số mà có thể giúp thu hẹp phần nào khoảng trống dữ liệu.

c) Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

Dự kiến sẽ có những khoảng trống đáng kể về dữ liệu liên quan đến dân tộc thiểu số và lâm nghiệp/VPA FLEGT, tư vấn sẽ đưa ra bài học kinh nghiệm từ nhiệm vụ này cũng như đề xuất, kiến nghị về một số nội dung sau:

- Hiện trạng dữ liệu về dân tộc thiểu số liên quan đến giám sát tác động của VPA/FLEGT và đề xuất thu hẹp khoảng trống dữ liệu trong tương lai
- Các chỉ số phù hợp trong Bảng IMIM về dân tộc thiểu số.
- Các thước đo phù hợp để đưa vào dữ liệu và thống kê quốc gia, bao gồm giải thích về thu thập và phân tích dữ liệu.
- Điều chỉnh các thước đo quốc gia hiện có để nắm bắt tốt hơn tác động của VPA/FLEGT về dân tộc thiểu số.
- Các thước đo tiêu chuẩn phù hợp để đưa vào dữ liệu và thống kê của địa phương, bao gồm giải thích về thu thập và phân tích dữ liệu.
- Điều chỉnh các thước đo địa phương hiện có để nắm bắt tốt hơn tác động của VPA/FLEGT về dân tộc thiểu số.
- Thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu của các nghiên cứu của các chủ thể ngoài nhà nước.
- Lồng ghép các chủ đề về dân tộc thiểu số và giới trong VPA/FLEGT.

Khi đưa ra các đề xuất, kiến nghị, tư vấn nên lưu ý đến tính khả thi và các khía cạnh như tài chính và nhân lực. Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị sẽ được đưa vào quá trình học tập sau đánh giá cơ sở về giám sát tác động của VPA/FLEGT.

4. Nhiệm vụ của tư vấn

Tư vấn sẽ có các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp chặt chẽ với GIZ và Cục Kiểm lâm;
- Thu thập và đưa ra tổng quan về dữ liệu từ các cơ quan chính phủ và các chủ thể ngoài nhà nước;
- Xem xét dữ liệu đã thu thập và xác định khoảng trống dữ liệu;
- Chuẩn bị bảng hỏi và tiến hành phỏng vấn các chuyên gia;
- Phân tích dữ liệu/thông tin và thiết lập dữ liệu cơ sở về tác động của VPA/FLEGT đối với dân tộc thiểu số;
- Đưa ra bài học kinh nghiệm và đề xuất, khuyến nghị;
- Tiếp nhận góp ý, phản hồi từ GIZ, Cục Kiểm lâm và các bên liên quan về các sản phẩm;
- Tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi và hoàn thiện các sản phẩm.

5. Các sản phẩm và ước tính số ngày công

Số TT	Hoạt động	Số ngày công	Sản phẩm bàn giao	Thời hạn dự kiến khi ký hợp đồng
1	Họp khởi động với GIZ và Cục Kiểm lâm để thảo luận về nhiệm vụ tư vấn và kế hoạch thực hiện	1	01 phương pháp và kế hoạch thực hiện (EN & VN) 01 biên bản họp (EN & VN)	Tuần 1
2	Thu thập và đưa ra tổng quan về dữ liệu hiện có từ các cơ quan chính phủ và các chủ thể ngoài nhà nước	6	Tổng quan về dữ liệu (VN)*	Tuần 2 - 4
3	Xem xét dữ liệu đã thu thập và xác định khoảng trống dữ liệu về dân tộc thiểu số liên quan đến VPA/FLEGT	6	01 báo cáo rà soát ngắn (VN)*	Tuần 5 - 6

4	Xác định các chuyên gia về dân tộc thiểu số và lâm nghiệp / gỗ Xây dựng bảng hỏi Chuẩn bị và phỏng vấn chuyên gia	6	01 bảng hỏi cuối cùng, bao gồm danh sách các chuyên gia và kế hoạch phỏng vấn (EN&VN)* 01 tóm tắt kết quả phỏng vấn chuyên gia (VN)*	Tuần 7 - 9
5	Xây dựng đề xuất về các biện pháp cấp quốc gia và cấp địa phương liên quan đến tác động của VPA/FLEGT đối với dân tộc thiểu số Đưa ra bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị	8	01 dự thảo báo cáo, bao gồm đề xuất và bài học kinh nghiệm (VN)*	Tuần 10 - 11
6	Trình bày đề xuất và bài học kinh nghiệm cho Cục Kiểm lâm và các bên liên quan	2	01 bài trình bày (EN & VN)*	Tuần 12
7	Tổng hợp ý kiến góp ý và hoàn thiện các sản phẩm	3	01 báo cáo cuối cùng, bao gồm đề xuất và bài học kinh nghiệm (VN)*	Tuần 14
Tổng		32		
*GIZ sẽ hỗ trợ dịch sang tiếng Anh.				

6. Thời gian thực hiện dự kiến

Từ 1/8 đến 30/11/2024.

7. Yêu cầu đối với trình độ và năng lực của tư vấn

Yêu cầu tối thiểu:

- Bằng thạc sỹ về khoa học xã hội, khoa học chính trị, lâm nghiệp, kinh tế, quản lý tài nguyên thiên nhiên hoặc các ngành liên quan;
- 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu, bao gồm thiết kế và thực hiện nghiên cứu;

- 5 năm kinh nghiệm liên quan đến dân tộc thiểu số ở Việt Nam, liên quan đến lâm nghiệp và ngành gỗ là một lợi thế;
- Có quan hệ tốt với các cơ quan chính phủ như Bộ NN-PTNT, Cục Kiểm lâm, Ủy ban dân tộc, và các chủ thể ngoài nhà nước;
- Sử dụng máy tính thành thạo bao gồm các phần mềm Word, Excel, Powerpoint và có thể sử dụng các công cụ như MS team;
- Có kỹ năng viết và nói tốt (tiếng Việt và tiếng Anh).

8. Quy định về bình đẳng giới và an toàn xã hội

Bình đẳng giới và an toàn xã hội, sau đây gọi tắt là Giới, là một trong những giá trị cốt lõi trong hoạt động của GIZ và những thành tựu đạt được trong quá trình hỗ trợ thực hiện dự án VPA FLEGT nhằm đạt được những mục tiêu của dự án. Do đó, lồng ghép Giới và trong các hoạt động của dự án một cách có hệ thống (lập kế hoạch, thực hiện, giám sát, báo cáo) nhằm tạo điều kiện cho những người hưởng lợi từ dự án được tham gia và hưởng lợi như nhau. Xuất phát từ những kỳ vọng trên, trong nhiệm vụ tư vấn này, các chuyên gia cần lưu ý và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

- Xác định các nhu cầu học tập khác nhau của các đối tượng hưởng lợi gồm phụ nữ, nam giới và các nhóm bị thiệt thòi để xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực và các công cụ tập huấn theo cách tiếp cận có sự tham gia, ví dụ các công cụ minh họa, các ví dụ minh họa, các câu chuyện, nhập vai, mô hình, mẫu vật, trò chơi, nghệ thuật và các hoạt động nhóm
- Cân nhắc ngôn ngữ phù hợp nhất cho nhóm đối tượng hưởng lợi và trình độ của họ
- Tránh dùng tiếng lóng, thuật ngữ phức tạp, các từ nhạy cảm và tiếng nước ngoài trong tài liệu tập huấn, báo cáo

Phụ lục: Hướng dẫn về bình đẳng giới và an toàn xã hội

9. Trách nhiệm của GIZ

- Phối hợp với Cục Kiểm lâm để nghiệm thu sản phẩm giao nộp
- Giám sát việc thực hiện hợp đồng và thanh toán giá trị hợp đồng theo quy định của GIZ

10. Trách nhiệm của Cục Kiểm Lâm

- Tạo điều kiện hỗ trợ cho chuyên gia tư vấn thu thập thông tin từ các cơ quan chính phủ liên quan
- Điều phối và hướng dẫn kiểm soát chất lượng và hỗ trợ kỹ thuật;
- Hỗ trợ và giám sát tiến độ của chuyên gia tư vấn.
- Hợp tác với GIZ để nghiệm thu sản phẩm

PHỤ LỤC 2. Quy định pháp luật liên quan

Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng

Tính từ năm 2004 – thời điểm Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004 đến nay, hành lang pháp lý liên quan đến quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng của đồng bào DTTS đã có những bước tiến nhảy vọt. Hiện nay, việc sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng của người DTTS tại Việt Nam được quy định trong các văn bản pháp lý, đặc biệt là **Luật Lâm nghiệp 2017**, **Luật Đất đai 2013**, và các văn bản hướng dẫn liên quan, với các quy định đặc biệt dành cho cộng đồng DTTS, nhằm bảo vệ quyền lợi của họ trong việc quản lý, sử dụng tài nguyên rừng một cách bền vững. Dưới đây là các quy định pháp luật quan trọng liên quan đến quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng tại Việt Nam:

Quy định trước đây (từ 2004 trở về trước)	Quy định ban hành giai đoạn 2004-2019	Quy định ban hành giai đoạn 2019 đến nay
Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng		
Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991	<ul style="list-style-type: none">- Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;- Luật Lâm nghiệp năm 2017- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004- Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020;- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none">- Luật Giá số năm 2023 và Luật Đất đai năm 2024 (có nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp)- Nghị định 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)- Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

	ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	
Hiệp định VPA/FLEGT		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệp định VPA/FLEGT có hiệu lực từ ngày 01/6/2019; - Luật Lâm nghiệp năm 2017; - Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản; - Quyết định 4852/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ NN&PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp; - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 21/2021/TT-BNN-PTNT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.
Quy định về khai thác lâm sản		
<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 04/2004/QĐ-BNN ngày 02 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế về khai thác gỗ, lâm sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lâm nghiệp năm 2017; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác; - Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của

<p>- Quyết định 02/1999/QĐ-BNN-PTLN ngày 05 tháng 01 năm 1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế về khai thác gỗ, lâm sản</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; - Thông tư số 70/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản; - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT. 	<p>Bộ trưởng Bộ NNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
--	---	--

Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp, kiểm tra nguồn gốc lâm sản; Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; - Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2012 đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT; - Thông tư 40/2015/TT- 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Nghị định 120/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT quy định
--	---	---

<p>BNNPTNT ngày 21/10/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT);</p> <p>- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.</p>	<p>về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;</p> <p>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>
---	--

Chính sách phát triển lâm nghiệp

Giai đoạn từ 2019 trở về trước	Giai đoạn 2019 - nay
Chiến lược phát triển lâm nghiệp	
<p>Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020</p>	<p>- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>- Quyết định số 1382/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
<p>Quyết định số 83/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt “Đề án</p>	<p>- Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển</p>

<p>thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2016 - 2020”</p>	<p>Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025</p> <p>- Thông tư 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ NN&PTNT ban hành hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.</p>
<p>Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ</p>	
<p>- Quyết định số 2728/QĐ-BNN-CB 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ NN&PTNT phê duyệt Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030</p> <p>- Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2020</p> <p>- Quyết định số 957/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 05 năm 2014 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ giai đoạn 2014 - 2020</p>	<p>Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 – 2030</p>
<p>Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu nguyên liệu gỗ, lâm sản</p>	
<p>Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích</p>	

<p>bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, nâng cao thu nhập gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020.</p>	
<p>Đầu tư trong lâm nghiệp</p>	
	<p>Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định một số chính sách về đầu tư trong lâm nghiệp</p>

Cơ hội kinh tế và việc làm đối với đồng bào dân tộc thiểu số

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025
- Quyết định số 277/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung hành động đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình)
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

- Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

- Nghị quyết 31/NQ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 3 năm 2024 thông qua báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Tờ trình 698/TTr-CP ngày 21/12/2023 của Chính phủ báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

PHỤ LỤC 3: Tham vấn chuyên gia về đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm dân tộc thiểu số

Mục tiêu thảo luận: Tham vấn ý kiến chuyên gia về thực trạng theo dõi, đánh giá tác động của VPA/FLEGT đến dân tộc thiểu số

Thời gian thực hiện: Từ 4/10-13/11/2024

Hình thức: Phỏng vấn/Thảo luận trực tiếp tại cơ quan của chuyên gia hoặc online qua google meet, thời gian: 90- 120 phút/cuộc

Danh sách chuyên gia tham vấn/phỏng vấn như sau:

Chuyên gia tham vấn	Thời gian thực hiện	Hình thức
Chuyên gia từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
Cục Kiểm lâm	Ngày 13/11/2024	Trực tiếp
Cục Lâm nghiệp	Ngày 13/11/2024	Trực tiếp
Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Ngày 13/11/2024	Trực tiếp
Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD)	Ngày 13/11/2024	Trực tiếp
Chuyên gia từ Tổng cục thống kê		
Vụ Thống kê Dân số và Lao động	Ngày 4/10/2024	Trực tiếp
Vụ Xã hội môi trường	Ngày 4/10/2024	Trực tiếp
Chuyên gia từ Ủy ban dân tộc		
Văn phòng Điều phối TW CTMTQG phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi	Ngày 24/10/2024	Trực tiếp
Chuyên gia từ một số tổ chức phi chính phủ liên quan		

Chuyên gia tham vấn	Thời gian thực hiện	Hình thức
Trung tâm Phát triển nông thôn miền trung (CRD)	Ngày 23/10/2024	Trực tuyến qua google meet

Nội dung phỏng vấn:

Q1. Sau khi tham gia Hiệp định VPA/FLEGT, Việt Nam đã ban hành một số quy định pháp lý, văn bản pháp luật, chính sách nhằm thúc đẩy quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng và cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ của nhóm DTTS.

- Cơ quan ông bà có theo dõi việc thực hiện các chính sách này hay không?
- Theo ông/bà, tác động của các chính sách này đối với nhóm DTTS là như thế nào?

Q2. Hiện tại, cơ quan của ông bà hay bản thân ông/bà có tham gia hoặc có các hoạt động liên quan đến việc giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến dân tộc thiểu số không, cụ thể:

- Cơ quan ông/bà có phụ trách theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ về các dữ liệu, số liệu, hoạt động liên quan đến nhóm dân tộc thiểu số hay không, bao gồm:
 - Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng
 - Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ
 - Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực
- Cụ thể các dữ liệu hiện cơ quan ông/bà phụ trách theo dõi/tổng hợp là gì?
- Hiện nay chế độ báo cáo, cơ chế thu thập và theo dõi thông tin được thực hiện như thế nào?
- Ông/bà có biết cơ quan đầu mối thu thập các thông tin này hay không?

Q3. Hiện nay Khung Giám sát đánh giá tác động Hiệp định VPA/FLEGT đến dân tộc thiểu số đề ra 4 chỉ số chính là:

- Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng
- Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ
- Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực
- Kiến thức về VPA/VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ

Q3.1. Theo Ông/bà, việc đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến dân tộc thiểu số thông qua các chỉ số này có phù hợp không?

Q3.2. Từ các chỉ số chính trên, theo ông/bà, có thể sử dụng những chỉ số cụ thể hợp nào để phân tích các khía cạnh liên quan đến dân tộc thiểu số:

- Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng
- Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ
- Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực

Q3.3. Trong các chỉ số đề xuất này, nguồn dữ liệu và phương thức thu thập dữ liệu phù hợp là gì?

Q3.4. Theo ông bà, liệu có khả thi đối với việc thu thập dữ liệu liên quan trong tương lai?

- Thu thập qua chế độ báo cáo định kỳ từ cấp địa phương?
- Thu thập qua khảo sát hàng năm của các cơ quan nhà nước (ví dụ: tổng cục thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)?
- Thu thập qua điều tra khảo sát khác?

Câu hỏi này được điều chỉnh phù hợp với từng chuyên gia được tham vấn, đưa ra một số gợi ý về chỉ số cụ thể

Q4. Ông/bà có gợi ý về việc lồng ghép các chủ đề về dân tộc thiểu số và giới trong Hiệp định VPA/FLEGT không?

Q5. Để nâng cao hiệu quả thực hiện đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với nhóm DTTS, ông/bà có gợi ý gì cho các nghiên cứu sâu hơn và các hoạt động có thể triển khai của Dự án và các bên liên quan không?

Trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 4: Bộ chỉ số giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS (bộ chỉ số rút gọn)

Trong bối cảnh hiện tại, để thực hiện việc giám sát đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến nhóm DTTS, tư vấn đề xuất triển khai theo lộ trình. Trong đó, ở giai đoạn thí điểm, có thể thực hiện theo bộ chỉ số rút gọn (gồm 25 chỉ số) như sau:

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
1. Quyền và thực hiện quyền về sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng					
1.1. Quyền sở hữu và quyền sử dụng tài nguyên rừng					
Chỉ số 1.1.2	Tình trạng diện tích đất rừng, đất lâm nghiệp: - Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp trên tổng số hộ có sử dụng hoặc quản lý đất lâm nghiệp (%) - Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp của hộ DTTS - Bình quân trên nhân khẩu diện tích lâm nghiệp do hộ có chủ hộ là người DTTS có sử dụng hoặc quản lý <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước</i>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện VPA/FLEGT của nhóm DTTS	VHLSS (4b0_Mục 04_1B)	VHLSS (4b0_Mục 04_1B)	GSO

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	<i>(bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</i>				
Chỉ số 1.1.5	<p>Tình trạng đất rừng sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ DTTS trồng rừng sản xuất - Diện tích rừng trồng sản xuất của hộ DTTS/cộng đồng DTTS - Diện tích rừng trồng của hộ DTTS/cộng đồng DTTS có giấy CNQSD; - Tỷ lệ % đất rừng trồng sản xuất do hộ DTTS/cộng đồng DTTS trồng trên tổng diện tích đất rừng trồng sản xuất của địa phương? <p>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước <i>(bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)</i></p>	Đánh giá quyền sử dụng tài nguyên rừng trước và sau khi thực hiện VPA/FLEGT của nhóm DTTS	<p>Hiện có các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu 0401 "Diện tích trồng rừng sản xuất hàng năm" - Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp - Tổng diện tích rừng trồng - Điều tra lâm nghiệp - GSO (hiện chưa chia nhóm DTTS) - Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện - Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh 	Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	Chi cục kiểm lâm tỉnh
1.2. Quyền và sự tham gia trong quản lý tài nguyên rừng					
Chỉ số 1.2.1	<p>Khoán bảo vệ rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ DTTS/cộng đồng DTTS được khoán bảo vệ rừng 	Đánh giá tỷ lệ và mức độ tham gia của các nhóm	<p>Hiện có các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu 0604 "Số 	Dữ liệu thống kê của Chi cục	Chi cục kiểm lâm tỉnh

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	- Tỷ lệ % hộ DTTS/cộng đồng DTTS có hợp đồng KBVR * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước (bao gồm cả dân tộc Kinh, dân tộc Hoa và các nhóm dân tộc khác)	DTTS trong các quyết định quản lý tài nguyên rừng và các cơ chế liên quan.	hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhận khoán BVR" - Điều tra đánh giá ngành lâm nghiệp (hiện chưa chia nhóm DTTS) - Dữ liệu thống kê của Chi cục kiểm lâm tỉnh	kiểm lâm tỉnh	
Chỉ số 1.2.2	Tỷ lệ % người DTTS trong tổng số nhân sự các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp (trên tổng nhân sự của cơ quan, tổ chức đó) * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ *So sánh với trung bình cả nước	Xem xét sự hiện diện và vai trò của các đại diện DTTS trong các cơ quan, ủy ban, và tổ chức quản lý rừng.	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp - Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Sở LĐT BXH/Bảo hiểm tỉnh
2. Cơ hội kinh tế và việc làm trong sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ					
2.1. Cơ hội kinh tế					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 2.1.2	Tỷ lệ hộ có chủ hộ là người DTTS có thu từ trồng/ quản lý/ bảo vệ/ chăm sóc rừng, ươm các loại giống cây lâm nghiệp, thu nhật sản phẩm từ rừng, thu hoạch cây lâm nghiệp (tre, gỗ, củi, ... kể cả trong vườn nhà); hoạt động dịch vụ lâm nghiệp? * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá tỷ lệ hộ DTTS có thu nhập từ lâm nghiệp (tầm quan trọng của hoạt động lâm nghiệp)	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	GSO
Chỉ số 2.1.3	- Thu nhập bình quân đầu người của hộ có chủ hộ là người DTTS có nguồn thu từ lâm nghiệp (trồng/ quản lý/ bảo vệ/ chăm sóc rừng, ươm các loại giống cây lâm nghiệp, thu nhật sản phẩm từ rừng, thu hoạch cây lâm nghiệp (tre, gỗ, củi, ... kể cả trong vườn nhà); hoạt động dịch vụ lâm nghiệp) - Mức tăng thu nhập bình quân của người DTTS làm lâm nghiệp * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Theo dõi sự thay đổi trong thu nhập của các cá nhân và hộ gia đình từ các hoạt động kinh tế liên quan đến lâm nghiệp và chế biến gỗ.	Hiện có các nguồn sau: - VHLSS (4b4_Mục 04_1B) - Chỉ tiêu 0902 - Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Chiến lược	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	GSO

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 2.1.4	Tỷ lệ thu nhập từ lâm nghiệp so với tổng thu nhập trong năm của hộ có chủ hộ là người DTTS * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá đóng góp/tầm quan trọng của thu nhập từ lâm nghiệp trong tổng thu nhập của hộ gia đình	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	VHLSS (4b4_Mục 04_1B)	GSO
2.2. Việc làm và điều kiện lao động					
Chỉ số 2.2.2	Tỷ lệ hộ DTTS có thành viên trong hộ có làm công việc trong ngành lâm nghiệp?	Đánh giá về việc làm từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của các nhóm DTTS	Khảo sát 54 dân tộc (câu 45)	Khảo sát 54 dân tộc (câu 45)	GSO
Chỉ số 2.2.3	Việc làm trong ngành lâm nghiệp: - Tỷ lệ hộ gia đình có chủ hộ là người DTTS làm việc trong ngành lâm nghiệp có ký hợp đồng lao động trên tổng số hộ có chủ hộ làm việc trong ngành lâm nghiệp có ký hợp đồng lao động - Tiền lương, tiền công trung bình (kể cả trị giá hiện vật) từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của nhóm DTTS * Chia nhóm chủ hộ là nữ	Đánh giá về việc làm và tiền lương, tiền công từ công việc/việc làm trong sản xuất lâm nghiệp của các nhóm DTTS	VHLSS (4a_mục 7)	VHLSS (4a_mục 7)	GSO

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	* So sánh mức bình quân cả nước, và mức bình quân hộ không phải DTTS				
Chỉ số 2.2.5	Số lượng, tỷ lệ % lao động của hộ DTTS làm việc trong ngành công nghiệp gỗ được đóng các loại bảo hiểm theo luật định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn) * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá tỷ lệ và số lượng người lao động từ các nhóm DTTS làm việc trong ngành công nghiệp chế biến gỗ (lao động chính thức, được đóng bảo hiểm)	Số liệu đóng bảo hiểm của DN lâm nghiệp	Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
Chỉ số 2.2.6	Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ tại địa phương	Theo dõi khả năng duy trì và phát triển việc làm trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ trong dài hạn.	Số liệu đăng ký kinh doanh	Báo cáo số liệu ĐKKD của Sở KHĐT (Doanh nghiệp) và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (hộ kinh doanh/HTX)	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
3. Sự tham gia, tính đại diện và vai trò lãnh đạo trong các tổ chức lâm nghiệp, phúc lợi xã hội và nguồn nhân lực					
3.1. Sự tham gia					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 3.1.1	Tỉ lệ % doanh nghiệp/hộ kinh doanh/HTX có chủ sở hữu/giám đốc là người DTTS hoạt động trong ngành lâm nghiệp chế biến gỗ so với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành này. <i>*Chia nhóm DN do nữ DTTS làm chủ</i>	Đánh giá tỷ lệ/cơ cấu tham gia của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	Số liệu đăng ký kinh doanh	Báo cáo số liệu ĐKKD của Sở KHĐT (Doanh nghiệp) và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (hộ kinh doanh/HTX)	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
Chỉ số 3.1.2	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh có chủ sở hữu là người DTTS tham gia trong chuỗi cung ứng gỗ xuất khẩu; tỉ lệ % so với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong chuỗi cung ứng gỗ này	Đánh giá tỷ lệ/cơ cấu tham gia của các nhóm DTTS trong ngành lâm nghiệp	Số liệu đăng ký kinh doanh	Báo cáo số liệu ĐKKD của Sở KHĐT (Doanh nghiệp) và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (hộ kinh doanh/HTX)	Sở KHĐT/Phòng Kinh tế và Hạ tầng
3.2. Tính đại diện					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 3.2.1 (sử dụng Chỉ số 1.2.2)	Tỷ lệ % người DTTS trong tổng số nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp	Xem xét tỷ lệ và mức độ đại diện của các nhóm DTTS trong các cơ quan ra quyết định liên quan đến quản lý tài nguyên rừng và tổ chức lâm nghiệp	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp - Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Dữ liệu kê của Bảo hiểm Tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
3.3. Vai trò lãnh đạo					
Chỉ số 3.3.1	Số lượng/ Tỷ lệ người % DTTS tham gia, nắm chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp <i>* Chia nhóm nữ</i>	Đánh giá số lượng và tỷ lệ lãnh đạo từ các nhóm DTTS trong các cơ quan ra quyết định liên quan đến quản lý tài nguyên rừng và tổ chức lâm nghiệp	Hiện có các nguồn sau: - Báo cáo nhân sự của các cơ quan kiểm lâm và ban quản lý rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp - Dữ liệu thống kê của Bảo hiểm Tỉnh	Dữ liệu kê của Bảo hiểm Tỉnh	Sở LĐTBXH/Bảo hiểm tỉnh
4. Kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS và hiểu biết vai trò của VPA/VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của họ					
Nhóm chỉ số này yêu cầu khảo sát đánh giá về kiến thức, hiểu biết, khả năng áp dụng kiến thức và nhận thức về VPA/FLEGT và VNTLAS đối với sinh kế và cộng đồng của nhóm DTTS. Khảo sát cần được thực hiện theo phương pháp lấy mẫu phù hợp. Sử dụng dữ liệu và phát hiện của khảo sát này và trên cơ sở đó có các hoạt động đào					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
tạo/tăng cường năng lực là quan trọng để tạo ra tác động của VPA/FLEGT.					
4.1. Kiến thức/thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS					
Chỉ số 4.1.1	Số lần thực hiện chương trình/lớp/hội thảo/hội nghị phổ biến Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định 102 về "Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam"; Thông tư 27 về "Quản lý truy xuất nguồn gốc gỗ" và các văn bản liên quan khác; Thông tư.... Tỷ lệ % người DTTS tiếp cận với các chương trình phổ biến này <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ truyền thông/phổ biến kiến thức về Hiệp định VPA/FLEGT; Nghị định 102 về "Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam"; Thông tư 27 về "Quản lý truy xuất nguồn gốc gỗ" và các văn bản liên quan khác	Báo cáo thực hiện VPA thường niên	Báo cáo thực hiện VPA thường niên	Bộ NN&PTNT
Chỉ số 4.1.2	Kiến thức về VPA/FLEGT - Tỷ lệ % hộ DTTS biết về hiệp định VPA/FLEGT, Nghị định 102 và Thông tư 27 <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết của các nhóm DTTS về các nguyên tắc, mục tiêu, và lợi ích của Hiệp định VPA/FLEGT.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
Chỉ số 4.1.3	Kiến thức về VNTLAS - Tỷ lệ % hộ DTTS biết về VNTLAS <i>* Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ</i> <i>* So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết về hệ thống kiểm tra và cấp phép gỗ (VNTLAS), bao	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
		gồm quy trình, yêu cầu và chức năng.			
Chỉ số 4.1.4	Sự tiếp cận thông tin - Tỷ lệ % hộ dân có được thông tin về VPA/FLEGT, VNTLAS, Nghị định 102 và Thông tư 27 qua các cách khác nhau * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Xem xét cách mà các nhóm DTTS tiếp cận thông tin về VPA/FLEGT và VNTLAS (qua các tài liệu, hội thảo, đào tạo, v.v.).	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
Chỉ số 4.1.5	Chất lượng thông tin nhận được - Tỷ lệ % hộ DTTS biết đầy đủ về yêu cầu gỗ hợp pháp đối với hộ trồng rừng * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Đánh giá chất lượng và độ chính xác của thông tin mà các nhóm DTTS nhận được về VPA/FLEGT và VNTLAS.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
4.2. Áp dụng trong thực tế					
Chỉ số 4.2.1	Ứng dụng các quy định - Tỷ lệ % hộ DTTS thực hiện các tiêu chí/yêu cầu về gỗ hợp pháp khi bán gỗ - Tỷ lệ % số chỉ tiêu/yêu cầu về gỗ hợp pháp mà hộ DTTS đã thực hiện khi bán gỗ - Tỷ lệ % hộ trồng rừng DTTS tự làm, nhờ người khác làm thủ tục	Đánh giá khả năng của các nhóm DTTS trong việc áp dụng các quy định của VPA/FLEGT và VNTLAS vào thực tiễn quản lý và khai thác tài nguyên	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
	giấy tờ pháp lý khi bán gỗ * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	rừng.			
Chỉ số 4.2.2	Thực hành đúng quy trình - Tỷ lệ % DN/hộ KDCT có chủ là người DTTS có vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp trong năm (trên tổng DN/hộ KDCT có vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp)	Theo dõi việc thực hành đúng quy trình và yêu cầu của VPA/FLEGT và VNTLAS trong các hoạt động lâm nghiệp của cộng đồng.	Hiện có các nguồn sau: - Chỉ tiêu 1505 "Tỷ lệ giảm các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp" - Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp (hiện chưa chia nhóm DTTS) - Dữ liệu thống kê của Cục Kiểm lâm	Dữ liệu thống kê của Cục Kiểm lâm	Cục Kiểm lâm
Chỉ số 4.2.3	Hỗ trợ và tư vấn - Tỷ lệ % hộ DTTS nhận được đầy đủ, thông tin hướng dẫn từ cơ quan nhà nước * Chia nhóm hộ có chủ hộ là nữ * So sánh với trung bình cả nước, trung bình hộ không phải DTTS	Xem xét mức độ hỗ trợ và tư vấn mà các nhóm DTTS nhận được để giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
4.3. Nhận thức và đánh giá					

Chủ đề	Chỉ số đề xuất	Ý nghĩa	Nguồn dữ liệu hiện có	Đề xuất sử dụng nguồn dữ liệu	Cơ quan đầu mối
Chỉ số 4.3.1	Nhận thức về vai trò và lợi ích của VPA/FLEGT Tỷ lệ % hộ DTTS đánh giá về tác động của VPA/FLEGT và VNTLAS, bao gồm: - Tỷ lệ % hộ DTTS có tăng thu nhập và cho rằng thu nhập tăng do tác động của VPA/FLEGT và VNTLAS - Tỷ lệ % hộ DTTS tăng cơ hội kinh tế/hợp tác và cho rằng có sự tác động của VPA/FLEGT và VNTLAS	Đánh giá mức độ hiểu biết về vai trò của VPA/FLEGT trong việc thúc đẩy quản lý bền vững và chống khai thác gỗ bất hợp pháp.	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá
Chỉ số 4.3.2	Đánh giá các chương trình đào tạo - Tỷ lệ % hộ DTTS phản hồi tốt/hiệu quả đối với các lớp/khóa/hội thảo chia sẻ thông tin, kiến thức về VPA/FLEGT và VNTLAS	Xem xét sự hiệu quả của các chương trình đào tạo và các hoạt động nâng cao nhận thức về VPA/FLEGT và VNTLAS đối với nhóm DTTS	Tiến hành khảo sát và phỏng vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đánh giá	Khảo sát	Khảo sát đánh giá

Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”

Phòng 032, tầng 3, tòa nhà Coco,

Số 14 Thụy Khuê, Hà Nội

<https://snrd-asia.org/vpa-flegt/>

